

Hướng dẫn thực hành cho Người sản xuất và xuất khẩu ở Châu Á

CÁC QUY ĐỊNH, TIÊU CHUẨN VÀ CHỨNG NHẬN ĐỐI VỚI NÔNG SẢN XUẤT KHẨU



Cuốn sách hướng dẫn này là kết quả của sự phối hợp giữa Phòng Thương mại và Thị trường (EST) với Văn phòng khu vực châu Á Thái Bình Dương (RAP) - Tổ chức Nông lương của Liên hợp quốc FAO.

Chủ biên và tác giả:

Pascal Liu, Phòng Thương Mại và Thị trường, FAO

Đồng tác giả:

Siobhán Casey, Phòng Công nghiệp và Hạ tầng Nông thôn, FAO

Jean-Joseph Cadilhon, FAO RAP

Peter Sousa Hoejskov, FAO RAP

Nancy Morgan, FAO RAP

Với sự cộng tác của :

Các cố vấn kinh tế và thương mại của các đại sứ quán Pháp tại châu Á.

Biên dịch: Hoàng Thị Dung, Vụ hợp tác quốc tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Minh họa: Earth Net Foundation/Green Net, Thailand

Những lời cảm ơn khác: Bộ Nông nghiệp và Thủy sản - Cộng hoà Pháp đã tài trợ cho việc biên soạn, in ấn và phát hành bản hướng dẫn này, thông qua dự án MTF/RAS/212/FRA của FAO. Bản dịch này được in với sự tài trợ của FAO Hà Nội và đại sứ quán Thụy Sĩ tại Việt Nam.

Việc đề cập hay không đề cập của riêng một vài công ty về việc sản phẩm của họ hay nhãn hiệu không ngụ ý với sự tán thành hay phán quyết của FAO. Quan điểm rõ ràng trong ấn phẩm là là quan điểm của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của FAO. Việc thiết kế và trình bày của ấn phẩm thông tin này không ngụ ý rõ ràng về bất kỳ một ý kiến nào cho dù một phần của FAO đề cập đến luật lệ và tình trạng phát triển của bất kỳ một quốc gia, lãnh thổ, thành phố hay một vùng cũng như đến chủ quyền của nó hay đề cập đến danh giới của đường biên giới hay đường phân chia lãnh thổ. Tất cả được bảo hộ bản quyền. Việc nhân bản và phát hành của ấn phẩm thông tin này cho giáo dục hay các mục đích phi thương mại khác là có bản quyền và không cần bất cứ văn bản nào từ người giữ bản quyền cung cấp bản gốc là hoàn toàn được chấp thuận. Việc nhân bản của ấn phẩm thông tin này để bán hay cho các mục đích thương mại khác bị cấm nếu như không có văn bản cho phép từ người giữ bản quyền. Giấy xin phép cần gửi đến trưởng bộ phận dịch vụ và xuất bản, phòng Công nghệ thông tin (KCT), FAO. Địa chỉ : Viale delle Terme di Caracalla, 00100 Rome, Italy hay qua Email : copyright@fao.org

TẠI SAO LÀ CUỐN SÁCH HƯỚNG DẪN NÀY?

Mục đích

Cung cấp cho những nhà sản xuất và xuất khẩu những thông tin về:

- Các quy định của những nước nhập khẩu lớn
- Các chương trình chứng nhận tự nguyện chính
- Các địa chỉ liên hệ có thể tìm kiếm thêm thông tin về các quy định nhập khẩu và chương trình chứng nhận

Có nhiều nhà sản xuất và xuất khẩu nhận thấy rằng thị trường đối với các mặt hàng nông sản được chứng nhận là rất phức tạp. Cơ hội và những đòi hỏi liên quan đến các chương trình chứng nhận không phải lúc nào cũng rõ ràng. Thêm vào đó, người sản xuất thường không hiểu đó là những yêu cầu bắt buộc (là kết quả của bộ luật hay quy định của nước nhập khẩu) hay là tự nguyện. Sau khi đọc cuốn sách này, người đọc có thể hiểu được các chương trình chứng nhận tự nguyện chính, tầm quan trọng của nó, sự khác biệt giữa các chương trình, cũng như những thuận lợi và hạn chế của các chương trình này. Để có thể xuất khẩu các sản phẩm của họ, bất cứ nhà sản xuất hay xuất khẩu nào cũng phải đáp ứng được các quy định của nước nhập khẩu. Với lý do đó, người đọc có thể tìm thấy trong cuốn sách này những thông tin liên quan chủ yếu đến các quy định về nhập khẩu của Hoa Kỳ, Cộng đồng Châu Âu (EU), Nhật Bản và một số nước khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Tuy nhiên, phạm vi của cuốn sách hướng dẫn này không đề cập đến chủ đề về canh tác nông nghiệp và hoạt động sau thu hoạch.

Cuốn sách này gồm hai phần:

● **Những tiêu chuẩn hoặc quy định của Chính phủ và các yêu cầu nhập khẩu (phần 1)**

● **Các tiêu chuẩn tư nhân chính và các chương trình chứng nhận (phần 2)**

Cuốn sách không thể cung cấp thông tin một cách toàn diện về các quy định nhập khẩu và chương trình chứng nhận bởi vì nhiều lý do chẳng hạn như những sự thay đổi một cách tự nhiên trong quy định của các nước nhập khẩu hay sự đa dạng của các sản phẩm và đặc tính của chúng. Do đó, một loạt các địa chỉ internet đã được cung cấp, ở đó có thể tìm kiếm thêm thông tin bổ sung khi cần thiết. Bạn đọc có thể tìm thấy một trang để chống ở phần cuối của cuốn sách này, ở đó người đọc có thể bổ sung và thêm vào các đường dẫn Internet thu thập được trong quá trình tìm kiếm thông tin.

Chúng tôi hy vọng cuốn sách này đáp ứng nhu cầu của độc giả.

LỜI GIỚI THIỆU

Kỳ họp lần thứ 28 của tổ chức Nông Lương Quốc tế (FAO) vùng Châu Á – Thái Bình Dương tổ chức tại Jakarta tháng 5/2006 đã kêu gọi các nước thành viên và FAO giúp đỡ những người sản xuất nhỏ bằng việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và tiếp cận thị trường. Hội nghị cũng yêu cầu FAO tiếp tục trợ giúp các nước trong việc nâng cao năng lực để đáp ứng với tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, giúp thúc đẩy thương mại và bảo vệ sức khỏe động thực vật và con người. Đồng thời trợ giúp trong việc thiết lập và duy trì các quy định, kiểm tra và giám sát thích hợp nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

FAO đang xúc tiến việc tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi trong khu vực Châu Á. Cải thiện năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp nông nghiệp là một công việc thường xuyên về trợ giúp kỹ thuật của FAO trong việc phát triển ngành nghề ở nông thôn tại các nước thành viên. Văn phòng khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cũng tham gia vào việc nâng cao chất lượng và an toàn thực phẩm tại các nước Châu Á thông qua hàng loạt các hoạt động can thiệp.

Quyển sách hướng dẫn về tiêu chuẩn, chứng nhận và quy định về hàng nông sản xuất khẩu này là kết quả của một tập hợp các quy tắc. Nó được phát hành chính thức tại cuộc họp tư vấn kỹ thuật về chứng nhận độc lập do FAO tổ chức tại Nakhonpathom, Thái Lan tháng 10 năm 2007, nhằm nâng cao nhận thức của các bên về tiếp cận thị trường nông sản khu vực, công cụ giúp cải thiện sức cạnh tranh, chất lượng và an toàn cho các sản phẩm của họ.

Quá trình tích lũy những kinh nghiệm kỹ thuật và kiến thức về phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, chất lượng, an toàn thực phẩm sẽ được tổng kết và những chính sách chủ yếu sẽ được đệ trình cho các Bộ Trưởng Nông Nghiệp các nước thành viên trong khu vực trong Kỳ họp lần thứ 29 của Hội nghị FAO khu vực Châu Á – Thái Bình Dương tổ chức tại Pakistan năm 2008, thông qua ban hành tài liệu về Kinh doanh hàng nông sản và cạnh tranh công nghiệp nông thôn trong bối cảnh toàn cầu hóa và tự do thương mại, tài liệu thông tin về kinh doanh và an toàn thực phẩm trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Tôi hy vọng quá trình này sẽ đưa đến các khuyến nghị và quyết định chính sách ở mức cấp cao trong hành động để thúc đẩy hơn nữa doanh nghiệp cạnh tranh và sản xuất nông sản với chất lượng cao và an toàn trong khu vực.

He ChangChui



Trợ lý Tổng Giám Đốc và Đại diện Văn Phòng tổ chức FAO

Khu vực Châu Á Thái Bình Dương

LỜI MỞ ĐẦU

Một phần quan trọng trong nhiệm vụ của phòng Thương Mại và Thị Trường (EST) của FAO là tìm ra những vấn đề ảnh hưởng đến thương mại hàng hóa và đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết thông qua hoạt động quốc gia và quốc tế. Phòng Thương Mại và Thị Trường trợ giúp kỹ thuật cho các nước đang phát triển giúp họ hiểu và vượt qua những khó khăn trong thương mại. Phòng Thương mại và Thị trường tham gia trong việc ban hành các tiêu chuẩn và chứng nhận của tư nhân, khi những vấn đề này tiếp tục nảy sinh trong quá trình phân tích những vấn đề kinh tế và thương mại liên quan tới thị trường hàng nông sản.

Phòng Thương mại và Thị trường đã có nhiều nghiên cứu về kỹ thuật và thông tin xuất bản về tiêu chuẩn và chứng nhận nhằm giúp cho các nhà quyết sách trong các tổ chức công và tư nhân. Tháng 4 năm 2004 Phòng Thương mại và Thị trường đã tổ chức một Hội nghị về tiêu chuẩn và chứng nhận tự nguyện và đã tập hợp được trên 120 bên liên quan thuộc nhiều lĩnh vực công và tư nhân để thảo luận về những cơ hội và khó khăn liên quan tới những tiêu chuẩn tư nhân và tìm kiếm các giải pháp. Từ đó đến nay, Phòng Thương mại và Thị Trường cũng đã xuất bản hàng loạt cuốn sách phổ biến trong vùng cho tổ chức của những người sản xuất, giảng viên, các tổ chức khuyến nông và các nhà xuất khẩu, mô tả về quy định nhập khẩu của một số thị trường xuất khẩu chính và chủ yếu là các tiêu chuẩn tư nhân và chương trình chứng nhận tự nguyện. Đã có những sách hướng dẫn riêng cho các vùng như: Trung Mỹ, Nam Mỹ, Tây Phi và Đông Phi. Với cuốn sách hướng dẫn này phòng Thương Mại và Thị Trường đã mở rộng phạm vi tuyên truyền đến khu vực Châu Á.

Tất cả những cuốn sách đó cũng như các báo cáo và nghiên cứu được phòng Thương Mại và Thị Trường xuất bản về tiêu chuẩn và chứng nhận có thể lấy xuống từ cổng thông tin điện tử về sản xuất nông nghiệp và thương mại của phòng:

http://www.fao.org/es/esc/en/15/190/highlight_199.html

Alexander Sarris



Giám đốc
Phòng Thương Mại và Thị Trường

MỤC LỤC

PHẦN 1: CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VÀ KIỂM SOÁT NHẬP KHẨU	1
1. Chất lượng thương mại và các qui định ghi nhãn mác	3
2. Quy định về an toàn thực phẩm	5
3. Các quy định về kiểm dịch thực vật	9
4. Khai báo Hải quan	11
5. Quy định về nhập khẩu tại một số nước Châu Á – Thái Bình Dương	14
6. Các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu và chất lượng ở Châu Á	17
PHẦN 2: CHỨNG NHẬN TỰ NGUYỆN	19
1. Những câu hỏi về chứng nhận	20
2. Chứng nhận về môi trường	23
Nông nghiệp hữu cơ	23
Chứng nhận ISO 14001(Tiêu chuẩn quốc tế về môi trường)	27
3. Chứng nhận xã hội	29
Công bằng thương mại	29
SA8000	32
4. An toàn thực phẩm và chứng chỉ thực hành tốt	34
4.1.Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	35
4.2. Chứng nhận thực hành sản xuất tốt	48
5. Chứng nhận chất lượng thực phẩm đặc trưng	54
5.1. Chỉ dẫn địa lý (GI)	54
5.2. Chứng nhận Halal	56
6. Chứng nhận của hàng thủy sản ở Châu Á	58

PHẦN 1

CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VÀ KIỂM SOÁT NHẬP KHẨU

Để xuất khẩu sản phẩm ra thị trường thế giới, các nhà sản xuất và xuất khẩu phải tuân thủ các quy định kỹ thuật (tiêu chuẩn bắt buộc) do các tổ chức công xây dựng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng. Các quy định này thường khác nhau, phụ thuộc vào loại sản phẩm, nước nhập khẩu và nước xuất khẩu. Một số quy định được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế, trong khi một số khác do mỗi quốc gia. Việc không tuân thủ các quy định này sẽ dẫn tới việc phải kiểm dịch hoặc bị nước nhập khẩu từ chối nhập khẩu.



Lấy mẫu và kiểm tra chất lượng sản phẩm

Các tổ chức liên chính phủ đã xây dựng theo hướng hài hòa hóa với các tiêu chuẩn quốc tế. Các tổ chức này bao gồm:

- Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm do tổ chức Nông Lương Quốc Tế (FAO) và tổ chức Y Tế Thế Giới (WHO) thành lập ra nhằm xây dựng các tiêu chuẩn thực phẩm, các hướng dẫn và các nội dung liên quan như các quy tắc thực hành trong chương trình liên kết giữa FAO và WHO về các tiêu chuẩn thực phẩm.

www.codexalimentarius.net/web/index_en.jsp

- Ủy ban về các Biện pháp Kiểm dịch thực vật (CPM), tổ chức được chọn xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật và quản lý việc thực thi Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC).

www.ippc.int/ipp/en/default.jsp

- Tổ chức Thú y Thế Giới (OIE), tổ chức được chọn xây dựng các tiêu chuẩn về sức khỏe động vật trong thương mại quốc tế liên quan đến động vật và các sản phẩm động vật.

www.oie.int/eng/en_index.htm

Trong phần này của cuốn sách sẽ tập trung vào các quy định kỹ thuật và yêu cầu chủ yếu về nhập khẩu của 3 nước có thị trường nhập khẩu đứng đầu thế giới là Hoa Kỳ, Cộng đồng Châu Âu (EU) và Nhật Bản. Tuy nhiên, thị trường Châu á cũng mở ra các cơ hội hấp dẫn cho các nhà xuất khẩu của Châu á. Do đó người đọc sẽ tìm thấy ở cuối phần này danh sách các địa chỉ liên hệ, người đọc thông tin về các quy định nhập khẩu của một số nước Châu á. Thêm vào đó, cuốn sách hướng dẫn này cũng cung cấp đường dẫn đến một trang Web liệt kê các tổ chức của địa phương đã trợ giúp cho các nhà xuất khẩu và có thể thông báo cho họ về thị trường khu vực.

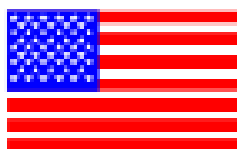
1. CHẤT LƯỢNG THƯƠNG MẠI VÀ CÁC QUY ĐỊNH GHI NHÃN MÁC

Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến sức khỏe của họ, nguồn gốc xuất xứ và chất lượng của những sản phẩm mà họ tiêu dùng. Phần lớn các quy định thông thường đều tập trung đến phẩm chất, kích thước, trọng lượng và ghi nhãn bao bì. Quy định ghi nhãn mác yêu cầu các thông tin như: nước xuất xứ, tên sản phẩm, chủng loại và số lượng. Những yêu cầu liên quan đến chất lượng thương mại là chủng loại, màu sắc, thời hạn sử dụng, hư hỏng bên ngoài và hình dạng của sản phẩm.



Đây chuyên phân cấp và chọn lọc để thỏa mãn tiêu chuẩn cao nhất cho xuất khẩu.

HOA KỲ



Hoa Kỳ yêu cầu tất cả những nông sản nhập khẩu phải đạt phẩm cấp theo tiêu chuẩn của Ban Thị Trường thuộc Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ (USDA). Thông tin chi tiết về các yêu cầu phẩm cấp và chất lượng sản phẩm được Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ xây dựng có thể tìm thấy tại các địa chỉ Internet sau:

USDA: www.ams.usda.gov/standards/stanfrfv.htm

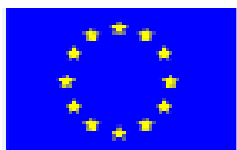
USDA: www.ams.usda.gov/fv/moab-8e.html

FDA: www.cfsan.fda.gov/~dms/lab-ind.html

Một trong những cấu thành của dự luật trang trại (Farm Bill) năm 2002 (Luật An ninh trang trại và Đầu tư nông thôn năm 2002) là thực hiện việc bắt buộc ghi nhãn về nước xuất xứ (COOL). Thông tin chi tiết về chương trình này có thể tìm thấy trên trang Web:

USDA: www.ams.usda.gov/cool/

CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU

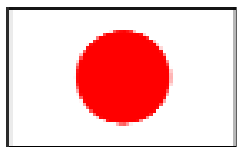


Cộng đồng Châu Âu yêu cầu rau quả tươi nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn thị trường của EU về chất lượng và ghi nhãn. Việc kiểm soát được cơ quan thanh tra tiến hành tại địa điểm nhập khẩu hoặc trong một vài trường hợp được kiểm chứng tại nước thứ ba, tại địa điểm xuất khẩu. Thông tin chi tiết về tiêu chuẩn thị trường của EU tham vấn với Cục Môi Trường, Thực phẩm và Vấn đề nông thôn của Anh Quốc (DEFRA) trên trang Web:

www.defra.gov.uk/hort/hmi.htm

Hỗ trợ trực tuyến xuất khẩu của EU cho các nước đang phát triển trên trang Web: www.export-help.cec.eu.int/

NHẬT BẢN



Nhật Bản đòi hỏi sản phẩm nhập khẩu phải tuân thủ các quy định trong Luật vệ sinh Thực phẩm, Luật tiêu chuẩn Nông Nghiệp của Nhật Bản và Luật đo lường. Thông tin chi tiết về tiêu chuẩn và các thủ tục nhập khẩu đối với các sản phẩm cụ thể có thể thấy trên các trang Web sau: Tổ chức Ngoại Thương Nhật Bản:

www.jetro.go.jp/en/market/regulations/

Bộ Nông Nghiệp, Lâm Nghiệp và Thủy Sản: www.maf.go.jp/soshiki/syokuhin/hinshitu/e_label/index.htm

2. QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Các nhà sản xuất phải đảm bảo chất lượng và độ an toàn của các sản phẩm mà họ sản xuất ra, và tránh được tất cả các nguy cơ tiềm tàng như rủi ro từ nguồn nước ô nhiễm hoặc ô nhiễm vi sinh vật hay hóa chất.

Mức dư lượng tối đa cho phép đối với các loại thuốc bảo vệ thực vật

Các quy định về mức dư lượng tối đa cho phép với các loại thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ cỏ, thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh v.v...) có hiệu lực trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Các nhà sản xuất và xuất khẩu phải tuân thủ các quy định của nước họ (khi gần đây nhất có quy định về mức dư lượng tối đa cho phép với các loại thuốc bảo vệ thực vật) và các quy định của các nước nhập khẩu. Họ chỉ có thể sử dụng các loại hóa chất đã được đăng ký sử dụng cho từng loại cây trồng riêng và phải tuân thủ nghiêm túc hướng dẫn được nêu cụ thể trên các tờ hướng dẫn sử dụng hoặc trên các đồ chứa (ghi trên hộp hoặc chai lọ).



Sử dụng quá mức thuốc bảo vệ thực vật là nguy hiểm và có thể dẫn đến việc nước nhập khẩu từ chối một lô hàng.

Các Trang Web dưới đây sẽ cung cấp đầy đủ thông tin về các quy định an toàn thực phẩm ở cấp quốc tế (Ví dụ: Các tiêu chuẩn của Codex và nguyên tắc của WTO) hoặc cấp quốc gia:

www.ipfsaph.org/En/default.jsp

www.fao.org/ag/agn/index_en.asp

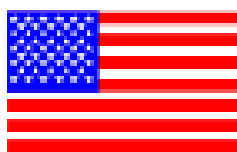
Trang chủ của ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Thế giới:

www.codexalimentarius.net/web/index_en.jsp

Hướng dẫn thủ tục của ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Thế giới:

www.codexalimentarius.net/web/procedural_manual.jsp

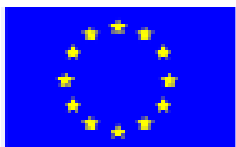
HOA KỲ



Tại Hoa Kỳ, mức dư lượng tối đa với các loại thuốc bảo vệ thực vật cho được thiết lập bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) và được Cơ quan Quản lý về Thực phẩm và Dược Phẩm (FDA) giám sát ngay tại địa điểm nhập khẩu đối với tất cả hàng nông sản. Thông tin chi tiết về các yêu cầu và mức dư lượng tối đa được thiết lập bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường có thể tìm trên trang Web: www.access.gpo.gov/nara/cfr/waisidx_04/40cfr180_04.html
www.epa.gov/pesticides/food/viewtols.html
www.epa.gov/fedrfstr/EPA-PEST/index.html

Trang web dưới đây có thể giúp người sử dụng biết được mức dư lượng tối đa của Hoa Kỳ và các nước nhập khẩu khác theo cây trồng, các loại hoạt chất hoặc dạng thuốc bảo vệ thực vật và quốc gia: www.fas.usda.gov/htp/MRL.asp

CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU



Các nước trong cộng đồng Châu Âu tiếp tục giảm mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật cho phép với các sản phẩm. Với nhiều loại thuốc bảo vệ thực vật hiện đã có các mức dư lượng chung áp dụng cho toàn bộ Cộng đồng Châu Âu. Tuy nhiên, một số loại thuốc thì mức dư lượng lại khác nhau giữa các nước. Mỗi quốc gia phải xác định là đáp ứng được các quy định (thường là thông qua bộ nông nghiệp) tại địa điểm nhập khẩu. Trường hợp các nước trong Cộng đồng Châu Âu chưa thiết lập được mức dư lượng tối đa, các nhà xuất khẩu yêu cầu cần phải có giấy phép nhập khẩu. Thông tin chi tiết về mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cho phép của các nước thành viên trong cộng đồng Châu Âu có thể tìm trên các trang Web dưới đây:

www.europa.eu.int/comm/food/plant/protection/pesticides/index_en.htm

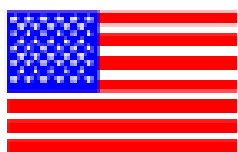
www.europa.eu.int/comm/food/plant/protection/index_en.htm

www.europa.eu.int/scadplus/leg/en/lmb/l21289.htm

Các điểm liên hệ thích hợp của các nước thành viên trên trang Web: www.europa.eu.int/comm/food/plant/protection.evaluation/contact_dec.xls

Thông tin về thủ tục đăng ký cấp phép nhập khẩu:

www.pesticides.gov.uk/applicant_guide.asp?id=1239

HOA KỲ

Chính phủ Hoa Kỳ đã thông qua Luật Khủng bố Sinh học, Luật này yêu cầu tất cả các nhà xuất khẩu phải đăng ký với Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) và đưa ra thông báo trước khi sản phẩm đến Hoa Kỳ. Để biết thêm chi tiết về Luật Khủng bố Sinh học của Hoa Kỳ hãy liên hệ:

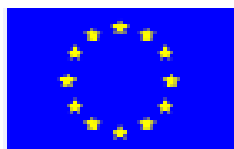
Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm tại trang Web:

www.cfsan.fda.gov/~dms/ffsbtag5.html

www.access.fda.gov/

Chương trình ghi nhãn nước xuất xứ (COOL) yêu cầu thực hiện ngày 30 tháng 9 năm 2008 tên nước xuất xứ phải được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm đối với một số mặt hàng nông sản. COOL sẽ có ảnh hưởng đến các qui định về truy xuất nguồn gốc của Hoa Kỳ tới các nước cung cấp. Thông tin chung về chương trình này có thể tìm thấy tại địa chỉ USDA:

www.ams.usda.gov/cool/

CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU

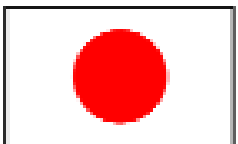
Các quy định của Cộng đồng Châu Âu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm có hiệu lực từ tháng 1 năm 2005. Để tuân thủ những quy định này, điều quan trọng là các nhà nhập khẩu EU xác định rõ nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm. Chính vì lý do đó, gần đây yêu cầu các nhà xuất khẩu tuân thủ các qui định về truy xuất nguồn gốc thậm trí trong trường hợp các nhà xuất khẩu tại các nước đối tác thương mại theo luật không đòi hỏi phải thỏa mãn yêu cầu về truy xuất nguồn gốc áp dụng trong cộng đồng Châu Âu. Thông tin chung về truy xuất nguồn gốc có thể tìm thấy tại địa chỉ sau:

www.europa.eu.int.comm/food/food/foodlaw/guidance/guidance_rev_7_en_pdf

www.europa.eu.int.comm/food/food/foodlaw/traceability/index_en.htm

www.europa.eu.int/scadplus/leg/en/lvb/132041/htm

Để có được giải thích về các yêu cầu vệ sinh thực phẩm, hãy tham vấn qua địa chỉ: www.europa.eu.int/comm/food/food/biasafety/hygienelegislation/guidance_doc_8522004_en.pdf

NHẬT BẢN

Tại đến thời điểm soạn thảo cuốn sách hướng dẫn này, Nhật Bản vẫn chưa có các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc đối với các nhà xuất khẩu.

3. CÁC QUY ĐỊNH VỀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Các nhà sản xuất phải tuân thủ quy định kiểm dịch thực vật nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập và lan truyền của bệnh dịch và sâu hại sang các vùng khác. Các nước nhập khẩu chính trên thế giới tiến hành phân tích rủi ro của dịch hại nhằm xác định mức độ rủi ro của mỗi sản phẩm nhập khẩu và kiểm tra sản phẩm tại nơi đến để đảm bảo rằng mức rủi ro đó không bị vượt quá mức qui định.

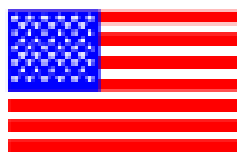


Thanh tra địa phương đang kiểm tra các loại hàng hoá nhập khẩu.

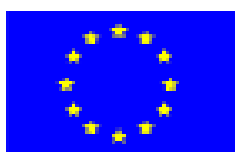
Việc áp dụng cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các sản phẩm được quy định như các loại cây trồng, hạt giống, trái cây, rau và hoa là cần thiết. Thông tin chi tiết về nội dung chứng nhận kiểm dịch thực vật tại địa chỉ internet sau:

www.ippc.int/IPP/EN/default.jsp

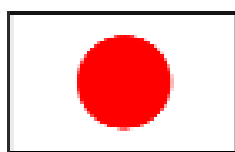
(trong phần quy định về kiểm dịch thực vật)

HOA KỲ

Tại Hoa Kỳ, Các thanh tra viên của Cơ quan Thanh tra sức khỏe Động Thực vật (một cơ quan thuộc bộ Nông nghiệp Mỹ) phải kiểm tra và chứng nhận tất cả các lô hàng trước khi khai báo Hải quan. Nếu có dấu hiệu của sâu hại hoặc dịch bệnh được phát hiện, sản phẩm có thể bị khử trùng (hoặc xử lý theo cách khác), bị trả lại nước xuất khẩu hoặc bị tiêu hủy. Thông tin chi tiết về hệ thống kiểm dịch thực vật của Hoa Kỳ có thể tìm kiếm trên trang Web: USDA: www.aphis.usda.gov/ppq/permits

CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU (EU)

Để xuất khẩu sang EU, các nhà sản xuất và xuất khẩu phải tuân thủ các quy định về sức khỏe thực vật của EU. Các quy định được áp dụng ngay tại địa điểm nhập khẩu. Để có thêm thông tin về các quy định về sức khỏe thực vật của EU, liên hệ qua cổng thông tin điện tử Kiểm dịch Thực vật Quốc tế: www.ippc.int/IPP/En/nppo.jsp hoặc để có nội dung cụ thể về các quy định về kiểm dịch thực vật của ủy ban Châu Âu (Hội đồng thanh tra 2000/29/EC có sửa đổi) truy cập vào trang Web: www.europa.eu.int/eur-lex/en/consleg/pdf/2000/en_2000L0029_do_001.pdf

NHẬT BẢN

Chính phủ Nhật bản yêu cầu các nước cung cấp phải tuân thủ Luật Bảo vệ thực vật, Luật Sức khỏe Thực vật và Luật Vệ sinh Thực phẩm. Những quy định được thi hành bởi Phòng Bảo vệ Thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF). Thông tin chi tiết về các quy định kiểm dịch thực vật hoặc hệ thống kiểm dịch của Nhật Bản có thể tìm thấy trên các trang Web:

Trạm Bảo vệ Thực vật: www.pps.go.jp/english/

Tổ chức Ngoại thương của Nhật Bản:

www.jetro.go.jp/en/market/regulations/pdf/plant2003apr-e.pdf

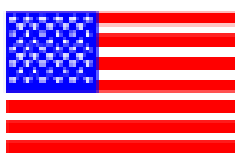
Kiểm dịch động vật: www.maff-aqs.go.jp/english/ryoko/index.htm

4 KHAI BÁO HẢI QUAN

Khâu cuối cùng cho sản phẩm được nhập khẩu phụ thuộc vào Cơ quan Hải quan ở nước nhập khẩu. Để thông qua Hải quan, nhà xuất khẩu phải điền những thông tin cần thiết vào mẫu tờ khai (thương mại, vận chuyển) và trả tất cả các khoản phí (thuế nhập khẩu, thuế và lệ phí khác). Do quá trình xử lý những mẫu đơn này có thể tiêu tốn thời gian, một số nước hiện nay đã đưa ra chương trình khai báo hải quan trước để tiết kiệm thời gian. Điều này có nghĩa là các sản phẩm có thể được khai báo hải quan tại nước xuất khẩu do các cơ quan chức năng và các cơ quan này có thể đảm bảo các quy định đối với sản phẩm đã được tuân thủ đầy đủ.

Việc không tuân thủ một số các quy định của nước nhập khẩu sẽ có thể là nguyên nhân từ chối sản phẩm.

HOA KỲ



Cơ quan hải quan chỉ có thể cấp phép nhập cho các sản phẩm vào Hoa Kỳ sau khi đã được APHIS và FDA kiểm tra tại nơi nhập khẩu. Các nhà xuất khẩu cũng phải trả các loại thuế cần thiết tại đó, khi đã xác định được số lượng, giá trị, kiểu dáng và nước xuất xứ. Để đẩy nhanh thời gian xử lý ở cửa khẩu, các nhà xuất khẩu có thể hoàn tất một số thủ tục hải quan nhất định trước khi vận chuyển. Ví dụ, thông qua Dịch vụ Quốc tế của APHIS mà hiện nay có thể thực hiện tại một số nước để khai báo trước chứng từ nhập khẩu như giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Các thông tin chi tiết về cách thức khai báo hải quan trước của Hoa Kỳ có thể biết được qua trang Web:

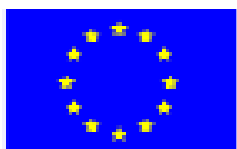
www.aphis.usda.gov/ppq/preclearance

Các nhà xuất khẩu cũng có thể sử dụng Hệ thống Thương mại tự động do Hải quan Mỹ xây dựng nhằm hoàn tất chứng thư điện tử.

Thông tin cụ thể trên trang Web:

www.cbp.gov/xp/cgov/import/operations_support/automated_systems/ams/

CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU



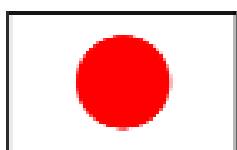
Những thủ tục khai báo hải quan trong Cộng đồng Châu Âu (EU) khác nhau tùy thuộc từng nước. Tuy nhiên, rất nhiều nước ở đây có hệ thống hải quan điện tử và các chương trình khác giúp đẩy nhanh thời gian khai báo. Thông tin cụ thể về các thủ tục hải quan và biểu mức thuế quan (theo quốc gia) xem trên trang Web:

Hiệp hội Thuế và Hải Quan:

www.europa.eu.int/comm/taxation_customs/comm/about/welcome/index_en.htm

Trung tâm Xúc tiến nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI):
www.cbi.nl

NHẬT BẢN



Trước khi hàng đến, các nhà xuất khẩu phải thông báo cho các trạm kiểm dịch tại địa điểm nhập khẩu biết thông qua hệ thống điện tử do Bộ Y tế và Phúc lợi xã hội quản lý. Để giảm thời gian cho các thủ tục hải quan, một mẫu sản phẩm có thể được gửi đến phòng thí nghiệm ở Nhật Bản hay ở tại nước xuất khẩu và kết quả kiểm tra sẽ được dùng cho việc khai báo hải quan trước. Thuế tiêu thụ và các khoản thuế nhập khẩu khác phải được trả trước khi những khai báo được hoàn tất. Thông tin thêm về các thủ tục nhập khẩu xem tại:

www.mhlw.go.jp/english/topics/importedfoods/index.html

Hải quan Nhật Bản: www.customs.go.jp/english/index.htm

Giải quyết như thế nào với các lô hàng bị từ chối?

Các lô hàng nông sản có thể bị từ chối tại cảng của nước nhập khẩu do không tuân thủ một hoặc một số các quy định đã được nêu ở trên. Nếu vấn đề xác định là rất nghiêm trọng, lô hàng và toàn bộ nguyên liệu đóng gói sẽ bị tiêu hủy và người xuất khẩu phải chịu toàn bộ chi phí. Nếu vấn đề xác định là không nghiêm trọng, nhà xuất khẩu có thể chuyển lô hàng này tới thị trường khác nơi mà các

quy định với yêu cầu thấp hơn và đương nhiên người xuất khẩu cũng phải chịu toàn bộ chi phí.

Hiện nay hầu hết các nước công nghiệp đều có những quy định chung về nhập khẩu, chính vì thế các nhà xuất khẩu muốn chuyển lô hàng tới thị trường khác sẽ ngày càng khó khăn hơn, đặc biệt đối với sản phẩm tươi sống dễ hư hỏng. Hơn nữa, EU có hệ thống cảnh báo an toàn thực phẩm, nó sẽ tự động thông báo tới tất cả các nước thành viên về lô hàng bị từ chối; điều này nhằm tránh việc cùng một lô hàng được tái nhập khẩu tại EU thông qua cảng khác. Tương tự như, vậy Luật Yêu nước (Patriot Act) của Hoa Kỳ ngăn chặn bất cứ lô hàng nào tái nhập khẩu nếu nó đã bị chặn tại một cảng nào đó.

Sau khi thông qua thủ tục hải quan, một lô hàng có thể vẫn bị nhà nhập khẩu từ chối nếu nó không thỏa mãn các yêu cầu của nhà nhập khẩu; Lô hàng sẽ bị huỷ bỏ sau đó và nhà xuất khẩu phải chịu chi phí. Do đó, lô hàng bị từ chối là cực kỳ tốn kém cho nhà xuất khẩu. Điều này giải thích tại sao cần phải chắc chắn rằng những hàng hóa được xuất khẩu đã tuân thủ đúng các nguyên tắc và quy định của nước nhập khẩu và các yêu cầu của nhà nhập khẩu trước khi hàng hóa rời nước xuất khẩu. Điều này cũng rất quan trọng ghi lại bất kỳ mọi thủ tục từ chối và những tài liệu có thể lưu trữ để tham chiếu cho các lô hàng sau. Có các cơ chế để đấu tranh với quyết định từ chối lô hàng, nhưng thường không hiệu quả đối với các mặt hàng thực phẩm dễ hư hỏng.

Nếu bạn nghi ngờ một trong số lô hàng của mình có vấn đề, nó có thể là nguyên nhân từ chối, thì tốt nhất là thu hồi lô hàng trở lại hoặc ngay lập tức thông báo cho khách hàng biết. Điều này cho thấy mình đã có những hành động đi trước và rất quan tâm đến an toàn thực phẩm. Nên nhớ rằng bất cứ sản phẩm nào bị từ chối sẽ gây tiếng xấu, nó không những ảnh hưởng xấu đến việc kinh doanh của bạn mà còn tới toàn bộ ngành kinh doanh mà bạn đang nắm giữ, và cuối cùng là tới tất cả sản phẩm sản xuất tại nước bạn.

5. QUY ĐỊNH NHẬP KHẨU Ở MỘT SỐ NƯỚC **CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Chính phủ của nước bạn là nguồn khởi đầu của các thông tin quy định về xuất khẩu và nguyên tắc nhập khẩu trên thị trường nước ngoài. Đề nghị liên hệ với Bộ Nông nghiệp hoặc Bộ Ngoại thương của nước bạn (Tại Việt Nam liên hệ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hay Bộ Công thương). Phòng Kinh tế hoặc Thương mại của Đại Sứ quán của các nước nhập khẩu cũng có thể cung cấp cho các bạn thông tin về các quy định nhập khẩu.

Thêm vào đó, bạn có thể tìm ở danh sách dưới đây có thể những nguồn thông tin về các nước nhập khẩu. Xin lưu ý rằng danh sách này không phải là đầy đủ và không phản ánh ý kiến đánh giá về bất cứ điều gì của FAO về các tổ chức hay những trang Web đã được hoặc không được đề cập đến.

ÚC

Các quy định về Vệ sinh và Kiểm dịch Thực vật:
www.daffa.gov.au/aqis/import

BHUTAN

Cơ quan Điều phối Nông nghiệp và Thực phẩm Bhutan (BAFRA)

Bộ Nông nghiệp, Thimphu, Bhutan

Điện thoại: +975 2 327 031

Fax: +975 20327 032

CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

Tổng cục quản lý Chất lượng, Thanh tra và Kiểm dịch của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (AQSIQ): www.aqsiq.gov.cn/

Email: webmaster@aqsiq.cn

Điện thoại: +86 10 8226 0001 hoặc +86 10 8226 1600

Bộ Thương mại (MOFCOM): www.mofcom.gov.cn/

Điện thoại: +86 10 65120 1919

Bộ Nông Nghiệp (MOA): www.agri.gov.cn/

Điện thoại: +86 10 6419 3366

HỒNG KÔNG

Cục Vệ sinh Thực phẩm và Môi trường: www.fehd.gov.hk/

Chánh Thanh tra Y tế (Xuất/ Nhập khẩu)

Điện thoại: +852 2867 5570

Fax: +852 2521 4784

Website của Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Bảo tồn để có các thông tin về nhập khẩu: www.afcd.gov.hk/

ẤN ĐỘ

Các nguyên tắc về nhập khẩu các mặt hàng nông sản:

www.exim.indiamart.com

MALAYSIA

Thông tin về các nguyên tắc và quy định nhập khẩu:

www.agrolink.moa.my

NEW ZEALAND

Cơ quan An toàn Thực phẩm New Zealand

www.nzfsa.govt.nz/labeling-composition

PAKISTAN

Thông tin về các nguyên tắc về nhập khẩu các mặt hàng nông sản và thủy sản: www.cbr.gov.pk

PHILIPPIN

Văn phòng Thực phẩm và Dược phẩm (Bộ Y tế):

www.bfad.gov.ph

Điện thoại: +63 (2) 807 072; 842 56 06; 842 4538

Fax: +63 (2) 842 4603

Liên hệ: Giám đốc Điều hành (director@bfad.gov.ph)

Bộ Nông nghiệp: www.da.gov.ph

Điện thoại: +63 (2) 928 8741 – 65

Fax: +63 (2) 929 8183; 928 5140

Liên hệ: Thư ký phụ trách Nông nghiệp, Trưởng phòng quan hệ quốc tế

SINGAPORE

Các quy định nhập khẩu

www.customs.gov.sg/leftNav/info/imp/Import+requirements.htm

THÁI LAN

Các nguyên tắc nhập khẩu với các mặt hàng nông sản:

www.doa.go.th/en/

[www.nfi.or.th/nfi/home.php?form\[module\]=links&forms\[index\]=index&form\[lang\]=eng](http://www.nfi.or.th/nfi/home.php?form[module]=links&forms[index]=index&form[lang]=eng)

Các nguyên tắc nhập khẩu với các mặt hàng thủy sản:

www.fisheries.go.th/english/index.php

VIỆT NAM

Tổng cục Hải Quan:

www.itpc.hochiminhcity.gov.vn/english/trade_guide/vn_tariff/vn_index.html

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

www.agroviet.gov.vn/en/default.asp

Bộ Thủy sản (đã sát nhập vào Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

www.mofi.gov.vn

6. CÁC TỔ CHỨC HỖ TRỢ XUẤT KHẨU VÀ CHẤT LƯỢNG Ở CHÂU Á

Các nhà sản xuất và xuất khẩu cần làm quen dần với rất nhiều các quy định kỹ thuật và yêu cầu nhập khẩu khác nhau, việc này có thể lúc đầu rất phức tạp. Tuy nhiên, có một số tổ chức quốc tế và quốc gia đặt trụ sở tại các nước Châu Á với nhiệm vụ giúp đỡ các nhà sản xuất tuân thủ các quy định đó. Đừng ngần ngại liên lạc với các tổ chức đó. Họ có thể cung cấp thông tin cụ thể hoặc hướng dẫn phù hợp.



Người chủ trang trại chè nhận thông tin về thủ tục và hạn chế nhập khẩu của Châu Âu từ các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ nông dân.

Ở CẤP QUỐC TẾ

Ủy ban Trợ giúp xuất khẩu trực tuyến cho các nước đang phát triển của Cộng đồng Châu Âu: www.export-help.cec.eu.int/

Các hướng dẫn thúc đẩy thương mại:

www.europa.eu.int/comm/food/fvo/pdf/guide_thirdcountries_en.pdf

Trung tâm Thương mại Quốc tế: www.intracen.org/menus/itc.htm

Cơ sở dữ liệu Mở rộng thị trường: www.mkaccdb.eu.int

APEC: Diễn đàn Hợp tác Kinh tế khu vực Châu á Thái Bình Dương
Trang web thống nhất cung cấp những quy định nhập khẩu cho tất cả các quốc gia thành viên APEC:

www.apec.org/apec/apec_groups/committees/committee_on_trade/market_access_group/import_regulations/australia.html

Ở CẤP QUỐC GIA

Chính phủ của nước bạn có thể có các chương trình trợ giúp cho các nhà xuất khẩu mặt hàng nông sản và hỗ trợ nông dân sản xuất cho xuất khẩu. Hãy liên hệ với Bộ Nông nghiệp và Bộ Ngoại Thương.

Thêm vào đó, trang Web dưới đây sẽ liệt kê các tổ chức chính ở khu vực Châu á có thể cung cấp thông tin và những trợ giúp cho xuất khẩu:

www.fao.org/es/esc/en/15/262/highlight_270.html



PHẦN 2

CHỨNG NHẬN TỰ NGUYỆN

Phần đầu của cuốn sách này đã mô tả các quy định kỹ thuật quan trọng và những yêu cầu nhập khẩu của Hoa Kỳ, Cộng đồng Châu Âu, Nhật bản và các nước khác trong khu vực Châu á – Thái Bình Dương. Đó là các quy định và yêu cầu bắt buộc đối với các nhà xuất khẩu hoặc sản xuất, nếu họ muốn bán sản phẩm của mình vào các thị trường này.

Phần này sẽ đề cập đến các tiêu chuẩn tự nhân và chứng nhận tự nguyện. Tiêu chuẩn tự nguyện không phải là bắt buộc. Nông dân, người xuất khẩu và các doanh nghiệp có thể quyết định việc tuân thủ hay không tuân thủ các tiêu chuẩn đó và chấp nhận hậu quả kinh tế về các hoạt động của mình.

Phần này cung cấp thông tin chung về một số chương trình chứng nhận nông sản tự nguyện tự nhân hiện có ở khu vực Châu á, bao gồm cả các địa chỉ liên hệ để có thể tìm kiếm thêm thông tin chi tiết.



Một triển lãm quốc tế về thực phẩm chỉ ra cho người mua thấy lợi ích của những sản phẩm đã được chứng nhận.

1. NHỮNG CÂU HỎI VỀ CHỨNG NHẬN

Chứng nhận tự nguyện là gì?

Có ba cách để thẩm định rằng sản phẩm đã đạt được tiêu chuẩn. Trường hợp thứ nhất, một công ty có thể quyết định chọn một tiêu chuẩn và chỉ định một số nhân viên của mình thẩm định tất cả các phòng ban trong công ty tuân theo tiêu chuẩn đó. Cách này gọi là bên thứ nhất xác nhận. Trường hợp thứ hai, một công ty có thể yêu cầu các nhà cung cấp sản phẩm phải đạt được tiêu chuẩn và tự họ kiểm tra việc nhà cung cấp có tuân thủ đúng không. Cách này gọi là bên thứ hai xác nhận. Cuối cùng, một công ty yêu cầu các nhà cung cấp sản phẩm phải đạt được tiêu chuẩn và yêu cầu một tổ chức độc lập không liên đến quan hệ kinh doanh để kiểm tra việc tuân thủ của các nhà cung cấp. Đây gọi là bên thứ ba xác nhận và cũng được gọi là cấp giấy chứng nhận. Cho nên, về định nghĩa, hoạt động cấp giấy chứng nhận thường phải do bên thứ ba độc lập tiến hành. Với quan niệm, tổ chức đã lập ra tiêu chuẩn thì không nên tiến hành hoạt động cấp giấy chứng nhận. Đúng hơn, nó sẽ ủy quyền “chỉ định” các cơ quan thẩm quyền độc lập làm công việc cấp giấy chứng nhận sau khi đã kiểm tra năng lực của các cơ quan đó.



Nông dân và các nhân viên trợ giúp học về quá trình cấp chứng nhận

Một giấy chứng nhận là văn bản được bảo đảm được cấp bởi một cơ quan chứng nhận độc lập xác nhận rằng quá trình sản xuất hoặc sản phẩm tuân thủ một tiêu chuẩn nhất định. Các tiêu chuẩn này có thể tập trung vào các vấn đề môi trường (như là bảo tồn đất, bảo vệ nguồn nước, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hay quản lý chất thải), hoặc các vấn đề xã hội (như thu nhập của người sản xuất, quyền của người lao động, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp) hoặc về các khía cạnh khác của sản xuất như an toàn thực phẩm.

Tại sao các chương trình chứng nhận tồn tại?

Chứng nhận mang đến nhiều cơ hội cho người sản xuất như việc thâm nhập thị trường, bảo vệ các nguồn lực ở địa phương, cải thiện điều kiện sống và sức khỏe cho người làm việc trong cộng đồng nông thôn. Nó cũng có thể đảm bảo cho sức khỏe người tiêu dùng. Người tiêu dùng ngày càng nhận thức tốt hơn về những vấn đề xã hội, môi trường liên quan đến quá trình sản xuất và thương mại thực phẩm họ tiêu thụ. Đáp ứng lại những mối quan tâm này, các hình thức khác nhau của các chương trình cấp giấy chứng nhận đã được các tổ chức tư nhân và nhà nước triển khai.



Tại sao lại chứng nhận?

Giấy chứng nhận dùng để chứng minh một sản phẩm nào đó đã được sản xuất theo một phương thức nhất định hoặc có các đặc tính nhất định phù hợp với một tiêu chuẩn. Nó được dụng chủ yếu khi nhà sản xuất và người tiêu dùng không có liên hệ trực tiếp, ví dụ như trên thị trường quốc tế, nơi mà người tiêu dùng không thể dễ dàng xác định sản phẩm đã được sản xuất theo đúng cách như mô tả của nhà sản xuất.

Giấy chứng nhận có thể giúp phân biệt được sản phẩm này với sản phẩm khác, điều đó có thể giúp cho việc quảng bá sản phẩm trên thị trường. Giấy chứng nhận cũng có thể giúp tăng cường thâm nhập thị trường và trong một vài trường hợp kết quả làm tăng giá thành sản xuất.

Các thị trường nhập khẩu lớn như Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU đang mở rộng thị trường cho những sản phẩm được chứng nhận so với một số tiêu chuẩn tự. Các sản phẩm được chứng nhận hữu cơ, công bằng thương mại, thường sẽ bán được giá cao hơn sản phẩm tương tự không có chứng nhận. Các nước này đang nhập khẩu lượng đáng kể các sản phẩm hữu cơ từ các nước Châu á. Ví dụ chè hữu cơ từ Trung quốc và ấn độ, cà phê hữu cơ từ Đông Timo, chuối hữu cơ, công bằng thương mại từ Philippin và rau hữu cơ từ Trung quốc và Thái lan. Dù sao, các nhà xuất khẩu Châu á không nên bỏ qua thị trường khu vực. Thực ra, với sự phát triển của các thành phố lớn, sự nổi lên của tầng lớp trung lưu ở thành thị và sự phát triển của hệ thống siêu thị ở các nước Châu á, thị trường trong nước cho các sản phẩm chất lượng đang phát triển mạnh mẽ. Do vậy cuốn sách này cũng đưa ra các thông tin về hệ thống chứng nhận chất lượng quốc gia và khuyến khích người đọc tính đến việc khơi dậy thị trường trong nước và xuất khẩu trong khu vực, những yêu cầu về chất lượng ở đây có thể không quá nghiêm ngặt so với các thị trường EU, Hoa Kỳ và Nhật bản.

Chi phí cho việc chứng nhận?

Có hai loại chi phí liên quan: (1) chi phí của việc đáp ứng một tiêu chuẩn để được chứng nhận, chi phí này phụ thuộc vào những thay đổi mà người sản xuất phải tiến hành tại trang trại của họ và phụ thuộc vào loại chương trình chứng nhận được lựa chọn; (2) chi phí của việc cấp giấy chứng nhận, chi phí này phụ thuộc thời gian mà các thanh tra viên phải sử dụng trong việc kiểm tra trang trại và các chi phí đi lại cho họ.

Người sản xuất có thể lựa chọn trong số rất nhiều các loại hình chứng nhận khác nhau. Các quyết định để có được giấy chứng nhận cũng như chọn lựa loại hình chứng nhận là quyết định quan trọng có ảnh hưởng đến việc quản lý trang trại, đầu tư và chiến lược tiếp thị. Tuy nhiên, do mỗi chương trình chứng nhận có những mục tiêu khác nhau nên yêu cầu cũng khác nhau.

2. CHỨNG NHẬN VỀ MÔI TRƯỜNG

NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Nông nghiệp hữu cơ là một phương pháp sản xuất mà quản lý trang trại và môi trường trong trang trại như một hệ thống đơn lẻ. Nó sử dụng cả kiến thức khoa học và truyền thống để làm tăng sức mạnh cho hệ sinh thái nông nghiệp. Trang trại hữu cơ chú trọng vào việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng và việc quản lý hệ sinh thái hơn là những đầu tư từ bên ngoài như phân khoáng và các hoá chất nông nghiệp. Nông nghiệp hữu cơ không sử dụng các hoá chất tổng hợp và cây trồng biến đổi gen. Nó đẩy mạnh các biện pháp canh tác truyền thống bền vững để duy trì độ phì nhiêu của đất như là để đất nghỉ.



Cân bằng sinh thái trong trang trại hữu cơ

Những yêu cầu chính?

Có rất nhiều yêu cầu cụ thể cho các cây trồng được chứng nhận hữu cơ cũng như những vật nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, nuôi ong, rừng và thu hoạch các sản phẩm hoang dã. Các tiêu chuẩn hữu cơ yêu cầu phải có một giai đoạn chuyển đổi (hoặc thời gian mà trang trại đó đã áp dụng phương pháp sản xuất hữu cơ trước khi được chứng nhận, thông thường là 2-3 năm).

Một số tiêu chuẩn trang trại hữu cơ

Yêu cầu áp dụng trong trồng trọt:	Chăn nuôi yêu cầu áp dụng:
<ul style="list-style-type: none"> • Chọn hạt giống và nguồn thực vật • Duy trì độ phì đất và chu trình tái tạo các chất hữu cơ. • Nghiêm cấm việc sử dụng cây trồng biến đổi gen. • Đa dạng hoá cây trồng trên đồng ruộng. • Chế biến, đóng gói và truy xuất nguồn gốc của sản phẩm. • Sử dụng phân bón hữu cơ và các hợp chất hữu cơ trong việc phòng trừ sâu bệnh và cỏ dại. 	<ul style="list-style-type: none"> • Sức khoẻ vật nuôi và chăm sóc tốt. • Dinh dưỡng, nuôi thả. • Phương thức vận chuyển và giết mổ.

Làm thế nào để được chứng nhận?

Các tiêu chuẩn về trang trại hữu cơ chủ yếu đang được các cơ quan chứng nhận tư nhân xây dựng nhưng tại một số nước Châu á cũng đã có tiêu chuẩn và quy định quốc gia về nông nghiệp hữu cơ (ví dụ: Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Hàn Quốc, Thái Lan). Thêm vào đó có các tổ chức tư nhân có sáng kiến giúp phát triển trang trại hữu cơ (ví dụ: Green Net/Earth, Net Foundation của Thái Lan). Cộng đồng Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản tất cả đều có quy định quốc gia về ghi nhãn sản phẩm hữu cơ và nếu nhà sản xuất muốn xuất khẩu sản phẩm của họ sang các nước này, họ phải đáp ứng được các quy định đó.

Sự lựa chọn cơ quan chứng nhận là rất quan trọng. Cơ quan chứng nhận được nhà sản xuất lựa chọn phải chính thức được công nhận tại quốc gia, nơi mà sản phẩm sẽ được bán. Các Cơ quan chứng nhận quốc gia chi phí thường rẻ hơn so với các cơ quan chứng quốc tế nhưng nó không được biết đến tại một số thị trường nước ngoài.

Giai đoạn chuyển đổi 2-3 năm thường tốn kém chi phí cho nhà sản xuất bởi vì sản phẩm chỉ bán được với giá như các sản phẩm

nông nghiệp thông thường, thậm chí việc sử dụng các biện pháp hữu cơ sẽ làm cho giá thành sản phẩm tăng lên và năng suất thấp đi, ít nhất vào các năm đầu. Tại một số nước cũng đã có nhu cầu thị trường về sản phẩm từ trang trại đang trong giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhưng chưa nhận được giấy chứng nhận. Những sản phẩm này nhiều khi được ghi nhãn “sản phẩm hữu cơ quá độ”. Để giảm bớt chi phí và giúp đỡ tăng cường sản xuất và tuân thủ các tiêu chuẩn, các nhà sản xuất có thể liên kết với nhau để lập ra hệ thống kiểm soát nội bộ. Để làm được điều đó, vấn đề quan trọng là những người sản xuất phải tin tưởng và phối hợp với nhau trong công việc, như vậy giữa họ sẽ có sự lệ thuộc lẫn nhau. Hướng dẫn cho việc thành lập và hoạt động của nhóm người sản xuất có thể tìm thấy ở Liên đoàn Quốc tế về trào lưu Nông nghiệp hữu cơ (xem địa chỉ liên hệ dưới đây).

Nông nghiệp hữu cơ có thể là cơ hội hấp dẫn cho rất nhiều nhà sản xuất ở Châu á, đặc biệt cho những nước hiện tại không sử dụng quá nhiều hóa chất nông nghiệp. Ví dụ, Trung quốc đã xuất khẩu chè hữu cơ đi khắp thế giới và rau hữu cơ sang Nhật Bản. Ấn độ cũng xuất khẩu chè hữu cơ, Philippin xuất khẩu chuối và xoài hữu cơ, Đông Timo xuất khẩu cà phê hữu cơ.

Những cơ hội và Thách thức

Một khi trang trại đã được chứng nhận, việc bán các sản phẩm hữu cơ có thể tăng chất lượng cuộc sống và thu nhập cho người sản



Cán bộ cấp chứng nhận khảo sát nông trại và hỏi nông dân

xuất. Các nhà sản xuất chuyển hướng mạnh sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ do nhiều lý do khác nhau. Một số người sản xuất nhận thấy việc sử dụng nhiều hóa chất là không tốt cho sức khỏe của họ và môi trường, trong khi đó một số khác thì lại bị hấp dẫn bởi giá bán cao hơn và sự phát triển thị trường của các sản phẩm hữu cơ trong những năm gần đây.

Việc chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ có thể dễ dàng hơn hoặc mang lại nhiều lợi ích hơn cho người sản xuất phụ thuộc vào họ có hay không:

1 Sử dụng đúng phân bón hữu cơ và các vật tư được phép khác hay sử dụng các sản phẩm hóa nông để thâm canh.

1 Làm chủ đất trồng

1 Có đủ lực lượng lao động (vì trong sản xuất hữu cơ thường cần nhiều lao động).

Các thông tin về nông nghiệp hữu cơ

Quốc tế:

Liên đoàn Quốc tế về trao lưu Nông nghiệp Hữu cơ (IFOAM):
www.ifoam.org
 Email: headoffice@ifoam.org Điện thoại: +49 228 926 5010
 Tổ chức Nông – Lương Liên Hợp Quốc (FAO):
www.fao.org/organicag
 Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD):
www.unctad.org
 Trung tâm thương mại Quốc tế (ITC): www.intracen.org

Marketing:

Mạng lưới thương mại hữu cơ – Vương quốc Anh
www.organics.com
 Email: info@organicTS.com Điện thoại: +44 797 410 3109
 Mạng lưới hợp tác quốc tế - Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA FAS)
www.fas.usda.gov/agx/organics/index.htm

Các trung tâm nghiên cứu:

FIBL – Thụy Sĩ
www.fibl.org/english/index.php
 Email: info.suisse@fibl.org Điện thoại: +41 628 867 272
 Nghiên cứu Hữu cơ – Vương quốc Anh
www.organic-research.com
 Mạng lưới truyền thông quốc gia về Nông nghiệp bền vững – Hoa
 Kỳ : www.attra.org

Tổ chức trợ giúp quốc gia và cơ quan chứng nhận ở Châu Á:

www.fao.org/es/esc/en/15/262/highlight_270.html

CHỨNG NHẬN ISO 14001

Tiêu chuẩn 14001 được đưa ra để giúp thực thi hệ thống quản lý môi trường áp dụng cho các tổ chức tư nhân và nhà nước. Nó được nên bởi Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) xây dựng tổ chức này là một mạng lưới quốc tế các cơ quan tiêu chuẩn quốc gia làm việc đồng hành với các chính phủ, các đại diện ngành công nghiệp và người tiêu dùng. Trong khi đó khá nhiều các tiêu chuẩn ISO khác có thể sử dụng làm công cụ để quản lý môi trường, ví dụ như ISO 14001. Nhóm các tiêu chuẩn ISO, bao gồm rất nhiều những tiêu chuẩn tự nguyện quốc tế được hài hòa hóa, đang được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp.

Những yêu cầu chủ yếu là gì?

Tiêu chuẩn ISO 14001 đòi hỏi doanh nghiệp xây dựng một hệ thống quản lý môi trường bao gồm: Mục tiêu và chủ thể về môi trường, chính sách và phương thức để đạt được những mục tiêu đó, xác định trách nhiệm, các hoạt động đào tạo huấn luyện nhân viên, ghi chép sổ sách và hệ thống kiểm tra bất kỳ sự thay đổi nào đã xảy ra. Tiêu chuẩn ISO 14001 mô tả quá trình quản lý mà doanh nghiệp cần phải làm theo và yêu cầu các doanh nghiệp phải tôn trọng quy định quốc gia về môi trường. Tuy nhiên, nó không đặt ra mức độ hoạt động cụ thể hoặc yêu cầu là phải đạt được các mức độ hoạt động riêng đó.

Làm thế nào để được chứng nhận

Tiêu chuẩn ISO 14001 do các cơ quan cấp giấy chứng nhận của chính phủ hoặc tư nhân cấp theo trong phạm vi quản lý của các cơ quan này. ở một số nước, cơ quan có thẩm quyền của quốc gia chỉ định các tổ chức chứng nhận thực hiện cấp giấy chứng nhận ISO. Trong nhiều trường hợp, người sản xuất phải thuê chuyên gia tư vấn để giúp trong quá trình chuẩn bị và xây dựng kế hoạch quản lý môi trường.

Các cơ hội và thách thức

ISO 14001 rất nổi tiếng trong các ngành công nghiệp. Việc cấp giấy chứng nhận nhằm mục đích làm giảm bớt tác động đến môi trường bằng một hệ thống quản lý mà nó có thể tạo ra nhiều lợi ích bên trong thông qua việc đẩy mạnh hoạt động môi trường (ví dụ như việc tiết kiệm sử dụng nguyên liệu thô và năng lượng hoặc cải tiến trong quản lý chất thải). Một hạn chế của ISO 140001 là không yêu cầu về mức độ hoạt động. Điều đó có nghĩa là một doanh nghiệp có các mục tiêu cao về môi trường và một doanh nghiệp khác có mục tiêu thấp cũng đều có thể được cấp chứng nhận. Do đó, hiệu quả phụ thuộc chủ yếu vào cam kết của từng công ty. Hơn thế nữa, biểu tượng ISO này không thể dùng trên sản phẩm. Tuy nhiên, tổ chức của bạn có minh chứng là đã được cấp chứng nhận ISO 14001 trong các hoạt động quảng cáo và quan hệ với công chúng. Chi phí sản phẩm không tăng. Lý do là số lượng các công ty được cấp chứng nhận ISO tăng lên, tiêu chuẩn này có thể không còn là yếu tố quyết định lợi thế trên thị trường, nhưng nó có thể mang đến những lợi ích khác trong công ty.

Các thông tin về ISO 14001

Quốc tế:

Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế (ISO): www.iso.org

Các hỗ trợ và cơ quan cấp giấy chứng nhận quốc gia ở Châu Á:

www.fao.org/es/esc/en/15/262/highlight_270.html

3. CHỨNG NHẬN VỀ XÃ HỘI

CÔNG BẰNG THƯƠNG MẠI

Công bằng thương mại dựa trên cơ sở được người sản xuất trả công xứng đáng. Người mua cam kết trong công bằng thương mại trả mức giá tối thiểu cho người sản xuất và còn trả thêm một khoản giá gia tăng gọi là phí bảo đảm công bằng thương mại. Phần giá trị gia tăng này hỗ trợ cho chính những người sản xuất và để đầu tư phát triển cộng đồng. Ngược lại, người sản xuất cam kết trong công bằng thương mại phải tuân thủ các quyền của người lao động, các yêu cầu về xã hội và môi trường. Tiêu chuẩn được thiết lập và chứng nhận dưới sự kiểm soát của Tổ chức Ghi nhãn Công bằng thương mại Quốc tế (FLO). Tổ chức này bao trùm khắp thế giới gồm 20 tổ chức phi chính phủ của các nước Châu Âu, Châu Mỹ, Châu á và Châu Đại dương. Nhiều tổ chức khác không có liên quan tới FLO cũng đang lập ra các tiêu chuẩn công bằng thương mại.

Rất nhiều nhà sản xuất của Châu á được hưởng lợi từ xuất khẩu sản phẩm công bằng thương mại. Ví dụ Philippin xuất khẩu chuối và đường sang Nhật bản, Thái lan xuất khẩu gạo, Indonesia xuất khẩu cà phê, ấn độ và Sri-Lanka xuất khẩu vani v.v...



Quỹ công bằng thương mại giúp xây dựng thư viện và chỗ vui chơi cho trẻ em

Những yêu cầu chủ yếu?

Để có được giấy chứng nhận, hội các nhà sản xuất phải hoạt động một cách dân chủ. Trong đó có những nguyên tắc về sử dụng phí bảo đảm công bằng thương mại như thế nào và các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Đối với các đồn điền, có một số yêu cầu liên quan đến quyền lao động như: đối xử với công nhân, tự do liên kết và bàn bạc tập thể, nhà ở và vệ sinh cho công nhân, sức khỏe và an toàn cho công nhân, và không có lao động trẻ em hoặc lao động bị cưỡng bức. Thêm vào đó, người sản xuất phải tuân thủ luật pháp về xã hội và môi trường tại nước sản xuất và chứng minh việc không ngừng cải thiện thông qua các đợt kiểm tra hàng năm.

Làm sao để được cấp chứng nhận ?

Chứng nhận công bằng thương mại của FLO có thể được cấp và sử dụng cho một nhóm các nhà sản xuất của một hợp tác xã, một hội nông dân hoặc ở những trang trại lớn có tổ chức của người lao động. Kiểm soát viên địa phương kiểm tra trang trại và cơ quan cấp giấy chứng nhận sẽ quyết định có cấp cho hội nhà sản xuất đó hay không. Khi đã được cấp chứng nhận, thì có đợt thanh tra định kỳ hàng năm để kiểm tra liệu những người sản xuất có đáp ứng được các yêu cầu của công bằng thương mại và việc họ sử dụng các quỹ công bằng thương mại như thế nào. Những người kinh doanh sử dụng chứng nhận FLO có ghi trên bao bì phải trả lệ phí bản quyền. Người sản xuất phải trả lệ phí dựa trên cơ sở của chi phí thanh kiểm tra.

Những cơ hội và thách thức

Một hội các nhà sản xuất hoặc một đồn điền có thể thu được nhiều lợi nhuận hơn từ giấy chứng nhận công bằng thương mại vì sản phẩm có chứng nhận thường được bán giá cao hơn và ổn định hơn. Giá trả cho người sản xuất được xác định qua các chi phí sản xuất. Nó bao gồm cả bất kỳ một chi phí phụ nào có thể phát sinh nhằm đáp ứng yêu cầu của công bằng thương mại chẳng hạn như việc cấp lương cho công nhân. Nói chung, quỹ công bằng thương mại là cung cấp một số nguồn kinh phí cho cộng đồng nhằm nâng cao điều kiện sống cho các thành viên trong cộng đồng đó.

Hạn chế lớn nhất của hệ thống công bằng thương mại là nhà sản xuất chỉ có thể nhận được giấy chứng nhận khi Tổ chức FLO tìm thấy thị trường tiêu thụ sản phẩm được ghi nhãn công bằng thương mại của họ bước cần thiết đầu tiên. Để tham gia vào hệ thống công bằng thương mại, cần hỏi Tổ chức FLO và các nhà nhập khẩu công bằng thương mại các thông tin liên quan đến cơ hội thị trường cho các sản phẩm của họ. Một hạn chế nữa là khi một hội các nhà sản xuất hay một đơn điền đã được cấp chứng nhận thì không có gì đảm bảo rằng tất các sản phẩm được bán và đưa ra thị trường đều là “công bằng thương mại”.

Thông tin về công bằng thương mại

Quốc tế:

FLO quốc tế, Bonn, Đức: www.fairtrade.net
 Email: info@fairtrade.net Điện thoại: +49 228 949 230

Cơ quan Chứng nhận FLO, Bonn/ Đức:
 Email: info@flo-cert.net
 Xuất khẩu sản phẩm công bằng thương mại đến Nhật bản:
 TransFair Nhật Bản: www.fairtrade-jp.org
 AlterTrade Nhật Bản: www.altertrade.co.jp

Tổ chức trợ giúp quốc gia và cơ quan cấp giấy chứng nhận ở Châu Á:

www.fao.org/es/esc/en/15/262/highlight_270.html

CHỨNG NHẬN SA8000

SA8000 là một chương trình cấp chứng nhận tự nguyện tư nhân về khoảng không làm việc, chương trình này được xây dựng bởi tổ chức phi chính phủ Trách nhiệm xã hội Quốc tế (SAI) với mục đích tạo ra các điều kiện làm việc tốt hơn. Tiêu chuẩn SA8000 dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế về khoảng không làm việc bao gồm cả những vấn đề liên quan đến công bằng xã hội, quyền của người làm việc và điều kiện làm việc. Một số hãng lớn xuất khẩu chuối, dứa, thuốc lá, rượu vang, trái cây đóng hộp và cà phê chế biến đã được cấp chứng nhận SA8000. Đến tháng 12 năm 2006 đã có khoảng 500 chứng nhận SA8000 đã được cấp cho các cơ sở ở Châu á (trong đó 190 ở Ấn độ, 140 ở Trung quốc và 58 ở Pakistan).

Những yêu cầu chủ yếu?

Chứng nhận SA8000 đưa ra các tiêu chuẩn thấp nhất về điều kiện làm việc nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, về tự do liên kết, bàn bạc tập thể và một chiến lược của doanh nghiệp cho việc quản lý mang tính xã hội nơi làm việc. ở đó cũng có các qui định về thời gian làm việc, lương, chống phân biệt đối xử, sử dụng lao động trẻ em hay cưỡng bức lao động.

Làm thế nào để được cấp chứng nhận?

Doanh nghiệp có các điều kiện hoạt động sản xuất phù hợp có thể nộp đơn xin cấp chứng nhận SA8000 cho các Cơ quan cấp chứng nhận đã được kiểm chứng SAI. Sau khi kiểm tra ban đầu và khi giấy chứng nhận được cấp, doanh nghiệp được kiểm tra nhằm đảm bảo tiếp tục tuân thủ các tiêu chuẩn. Doanh nghiệp sản xuất thường phải trả phí cho việc chứng nhận, bao gồm chi phí để thanh kiểm tra, các hoạt động hiệu chỉnh và phòng ngừa. Dấu chứng nhận SA8000 không được sử dụng trên nhãn sản phẩm nhưng doanh nghiệp có thể sử dụng nó trong hoạt động quảng cáo. Không có một ưu đãi riêng nào về giá hay thị trường cho các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận SA8000.

Những cơ hội và thách thức

Chứng nhận SA8000 là một trong những tiêu chuẩn chi tiết nhất về điều kiện làm việc so với các quyền lao động quốc tế. Nó mang lại lợi ích trước tiên cho doanh nghiệp sản xuất hàng hoá và có thể sử dụng trong các hoạt động công. Tiêu chuẩn SA8000 có thể giúp nâng cao hiệu quả và chất lượng sản xuất, cũng như giúp cho việc tuyển dụng và giữ được người lao động. Mặc dù chứng nhận SA8000 đã khá phổ biến trong các ngành công nghiệp tuy nhiên việc triển khai còn rất chậm chạp trong ngành nông nghiệp hàng hóa vì nó khó thực hiện trong điều kiện sản xuất mang tính mùa vụ.



Một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh

Thông tin về SA8000

Quốc tế:

Cơ quan Trách nhiệm xã hội Quốc tế

Tel: +1 212 6841414

e-mail: info@sa-intl.org

Web: www.sa-intl.org

Danh sách các tổ chức chứng nhận SA8000:

[www.sa-intl.org/index.cfm?](http://www.sa-intl.org/index.cfm?fuseaction=document.showDocumentByID&nodeID=1&DocumentID=60)

[fuseaction=document.show](http://www.sa-intl.org/index.cfm?fuseaction=document.showDocumentByID&nodeID=1&DocumentID=60)

[DocumentByID&nodeID=1&](http://www.sa-intl.org/index.cfm?fuseaction=document.showDocumentByID&nodeID=1&DocumentID=60)

[DocumentID=60](http://www.sa-intl.org/index.cfm?fuseaction=document.showDocumentByID&nodeID=1&DocumentID=60)

Tổ chức trợ giúp quốc gia và cơ quan cấp giấy chứng nhận ở Châu Á:

http://www.fao.org/es/esc/en/15/262/highlight_270.html

4. AN TOÀN THỰC PHẨM **VÀ CHỨNG NHẬN THỰC HÀNH TỐT**

Tăng nhu cầu được cấp chứng nhận an toàn thực phẩm

Hệ thống siêu thị Châu Âu đang đòi hỏi các nhà cung cấp phải có chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm tư nhân như GLOBALGAP, BRC và IFS. Hệ thống này chiếm trên 60% các sản phẩm tươi sống bán lẻ ở nhiều nước Châu Âu. Thêm vào đó, mỗi công ty bán lẻ thậm chí còn yêu cầu về chất lượng cao hơn các nhà cung cấp nhằm phân biệt rõ sản phẩm của họ với các sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh.

Tương tự, tại thị trường Châu á, hệ thống siêu thị hoặc các nhà kinh doanh chế biến nông sản địa phương cũng yêu cầu một vài chứng nhận tối thiểu về an toàn thực phẩm và các khách hàng này yêu cầu chất lượng cao hơn khi mua sản phẩm của người sản xuất. Ngay cả Châu á và quốc tế nông dân và các nhà sản xuất sẽ đòi hỏi hơn yêu cầu chứng nhận dựa trên tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Phần dưới đây sẽ đề cập đến một số loại hình tiêu chuẩn tự nguyện về an toàn thực phẩm và thực hành sản xuất tốt. đầu tiên là tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP). Các tiêu chuẩn này phù hợp với nông dân vì nó bao gồm toàn bộ quá trình sản xuất nông nghiệp từ đầu vào đến công trang trại. Đại diện của nó là tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GLOBALGAP), một tiêu chuẩn tự nguyện do nhiều hệ thống siêu thị ở Châu Âu yêu cầu, và các Tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP) của quốc gia và khu vực đang được triển khai tại Châu á. Phần này còn miêu tả các Tiêu chuẩn cho Thực hành sản xuất tốt (GMP). Các tiêu chuẩn này chủ yếu áp dụng cho các hãng chế biến nông sản thành thực phẩm tươi sống.

4.1. Thực hành Nông nghiệp Tốt (GAP)

4.1.1 Giới thiệu về GAP

GAP là gì?

Theo tài liệu của FAO 2003 - GAP là “các quá trình thực hành canh tác chế biến tại trang trại hướng tới sự bền vững về môi trường, kinh tế và xã hội và kết quả là an toàn và chất lượng của thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp không phải là thực phẩm”.

Các nguyên lý, tiêu chuẩn và quy định của GAP?

Các nguyên lý, tiêu chuẩn và quy định của thực hành nông nghiệp tốt (GAP) theo hướng dẫn đã được xây dựng trong những năm gần bởi ngành công nghiệp thực phẩm, các tổ chức của người sản xuất, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ nhằm mục đích hệ thống hóa các phương thức thực hành nông nghiệp tại trang trại cho một loạt các sản phẩm.

Tại sao các nguyên lý, tiêu chuẩn và quy định của GAP tồn tại được?

Những nguyên lý, chương trình hay tiêu chuẩn GAP tồn tại được là do mối quan tâm ngày càng tăng về chất lượng và an toàn thực phẩm trên toàn thế giới. Mục đích của GAP là rất khác nhau từ việc đáp ứng các yêu cầu của thương mại và của chính phủ, từ các vấn đề chất lượng và an toàn thực phẩm, đến các yêu cầu riêng về đặc trưng của sản phẩm. Các mục tiêu của họ thay đổi từ việc đảm bảo an toàn và chất lượng của sản phẩm trong các công đoạn của sản xuất; nắm bắt cơ hội mới của thị trường qua thay đổi sự quản lý của hệ thống cung ứng; nâng cao sử dụng các nguồn tài



Thanh tra GLOBALGAP kiểm tra sản phẩm đến Châu Âu

nguyên thiên nhiên, sức khỏe và điều kiện làm việc của người lao động đến việc tạo ra các cơ hội thị trường mới cho nông dân và các nhà xuất khẩu tại các nước đang phát triển.

Các lợi ích và thách thức chủ yếu là gì?

Có rất nhiều lợi ích trong các nguyên lý, tiêu chuẩn và quy định của GAP, bao gồm tăng cường chất lượng và an toàn thực phẩm, tạo thuận lợi cho việc thâm nhập thị trường và giảm bớt các rủi ro liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, dư lượng tối đa cho phép và các nguy cơ gây ô nhiễm khác. Những khó khăn lớn nhất trong áp dụng GAP là tăng các chi phí sản xuất, đặc biệt là việc ghi chép lưu trữ sổ sách, kiểm tra dư lượng và chứng nhận, thiếu thông tin và các dịch vụ hỗ trợ.

Thông tin về GAP:

FAO GAP: www.fao.org/prods/GAP/index_en.htm

4.1.2 Các chương trình GAP cấp quốc gia và khu vực

4.1.2.1. Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GLOBALG.A.P)

Ngày 7 tháng 9 năm 2007, EurepGAP (Thực hành nông nghiệp tốt của Châu Âu) đã đổi tên thành GLOBALGAP, điều đó phản ánh phạm vi ảnh hưởng của nó trên toàn cầu. GLOBALGAP là một tổ chức tư nhân đã xây dựng các tiêu chuẩn chứng nhận tự nguyện và các thủ tục cho việc thực hành nông nghiệp tốt. Ban đầu nó được một nhóm các siêu thị ở Châu Âu xây dựng nên. Mục đích của GLOBALGAP là làm tăng sự tin tưởng của khách hàng đối với thực phẩm an toàn, thông qua thực hành nông nghiệp tốt của người sản xuất. Trong tâm của GLOBALGAP là an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, bên cạnh đó nó cũng đề cập đến các vấn đề khác như an toàn, sức khỏe và phúc lợi cho người lao động và bảo vệ môi trường. GLOBALGAP là một tiêu chuẩn trước công chúng, điều

đó có nghĩa là việc cấp chứng nhận chỉ cho các quá trình sản xuất từ khi hạt giống được gieo trồng đến khi sản phẩm xuất khỏi trang trại. Cần phải nhớ rằng GLOBALGAP chỉ là một tiêu chuẩn tư nhân.

Cho đến nay GLOBALGAP đã xây dựng các tiêu chuẩn cho rau và trái cây, cây trồng sen, hoa và cây cảnh, cà phê, chè, thịt lợn, gia cầm, gia súc và cừu, bơ sữa và thủy sản (cá hồi). Các sản phẩm khác thì đang được nghiên cứu và phát triển (xem thêm trên trang Web của GLOBALGAP).

Các yêu cầu chủ yếu?

Tiêu chuẩn GLOBALGAP yêu cầu các nhà sản xuất phải thiết lập một hệ thống kiểm tra và giám sát hoàn chỉnh. Sản phẩm đã được đăng ký có thể bị truy xuất lại nguồn gốc tới từng trang trại nơi nó đã được trồng. Các nguyên lý của GLOBALGAP rất linh hoạt với việc thực hành canh tác trên đồng ruộng như khử trùng đất và sử dụng phân bón, nhưng nó lại rất nghiêm ngặt với việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Thêm vào đó, việc ghi chép sổ sách và chứng minh sản phẩm đã được sản xuất như thế nào là vấn đề rất quan trọng và những ghi chép tỷ mỉ về thực hành sản xuất ở trang trại nhất thiết phải được lưu trữ.

Làm thế nào để nhận được cấp chứng nhận ?

GLOBALGAP không tự nó cấp giấy chứng nhận mà ủy quyền cho các cơ quan có đăng ký chứng nhận. Trước tiên, nó yêu cầu nắm được tất cả những quy định chung của GLOBALGAP và các điểm kiểm tra trong phạm vi sản xuất sản phẩm tương ứng, sau đó mới liên hệ với các cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiến hành các thủ tục cấp chứng nhận. Người nông dân muốn được cấp chứng nhận GLOBALGAP cần phải tính đến các khoản chi phí nhất định. Vì họ phải trả chi phí cho việc đăng ký, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận.

Cả người sản xuất riêng lẻ hoặc nhóm các nhà sản xuất đều có thể xin cấp giấy chứng nhận, chi phí này phụ thuộc vào cơ quan cấp giấy chứng nhận được chọn và thời gian cần thiết cho việc thanh

kiểm tra. Ngoài khoản phí trả cho cơ quan cấp giấy chứng nhận, nhà sản xuất phải trả thêm phí hàng năm cho việc duy trì giấy chứng nhận.

Những cơ hội và thách thức chính

Để được cấp chứng nhận GLOBALGAP, nhà sản xuất hoặc nhóm các nhà sản xuất cần hoàn thiện hệ thống quản lý và theo dõi các hoạt động của trang trại.

Điều này đòi hỏi phải có đủ khả năng về quản lý và tài chính; do đó những nhà sản xuất có quy mô lớn sẽ thuận lợi hơn trong việc đáp ứng các yêu cầu đặt ra.

Những nhà sản xuất được cấp giấy chứng nhận sẽ thuận lợi hơn khi bán sản phẩm cho các cửa hàng bán lẻ, nơi mà yêu cầu có giấy chứng nhận GLOBALGAP. Tính đến tháng 9 năm 2007, GLOBALGAP đã có 35 thành viên bán lẻ và dịch vụ thực phẩm (34 ở Châu Âu và 1 ở Nhật Bản).

Không có khoản phí gia tăng hoặc ghi nhãn cho sản phẩm GLOBALGAP, vì nó là tiêu chuẩn tối thiểu tập trung vào mối quan hệ giữa các cơ sở kinh doanh.

Thông tin về GLOBALG.A.P:

Quốc tế

GLOBALG.A.P. c/o FoodPLUS GmbH

www.globalgap.org

e-mail: info@foodplus.org Tel: +49 221 579 9325

Ban liên lạc

Người liên hệ GLOBALG.A.P. tại Trung Quốc:

Giám đốc dự án tại Trung Quốc

Tel: +86 133 2113 8571

Các cơ quan được GLOBALGAP chỉ định cấp giấy chứng nhận ở Châu Á

www.globalgap.org/fuit/cbs.html?countryid=211&continentid=16

4.1.2.2. Thực hành nông nghiệp tốt của Đông nam Á (ASEANGAP)

ASEANGAP là do ban thư ký của tổ chức ASEAN xây dựng (với đại diện các nước thành viên) và được đưa ra từ năm 2006. Nó là một tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt trong cả quá trình sản xuất, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch đối với rau quả tươi ở khu vực ASEAN. Mục tiêu của ASEANGAP là tăng cường hài hòa hóa các chương trình GAP quốc gia của các nước thành viên ASEAN trong khu vực, đề cao sản phẩm rau quả an toàn cho người tiêu dùng, duy trì các nguồn tài nguyên thiên nhiên và thúc đẩy thương mại rau quả trong khu vực và quốc tế.

Những yêu cầu chủ yếu của ASEANGAP ?

ASEANGAP gồm có 4 phần chính:

- An toàn thực phẩm
- Quản lý môi trường
- Sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi cho người làm việc
- Chất lượng sản phẩm

Mỗi một phần có thể sử dụng riêng lẻ hay kết hợp với các phần khác. Điều này cho phép từng bước thực hiện ASEANGAP, thực hiện từng phần một, trên cơ sở ưu tiên của mỗi quốc gia.

Làm thế nào để nhận được chứng nhận?

Việc cấp chứng nhận được các Cơ quan chức năng của mỗi quốc gia ASEAN tiến hành.

Những cơ hội và thách thức chính

Mục tiêu của ASEANGAP là nâng cao hài hòa hóa các tiêu chuẩn của các sản phẩm và thúc đẩy thương mại nhiều cơ hội cho các nhà sản xuất được chứng nhận đẩy mạnh việc xuất khẩu rau quả tươi của họ sang các nước ASEAN khác. Đối với các nước ASEAN kém phát triển sẽ có cơ hội sử dụng ASEANGAP như là quy chuẩn trong việc phát triển chương trình GAP quốc gia, vì ASEANGAP bao gồm các hướng dẫn thực hiện, tài liệu huấn luyện cũng như nguyên lý về các biện pháp thực hành được khuyến cáo. Các nước thành viên có thể quy chuẩn chương trình GAP quốc gia của mình với ASEANGAP để đạt được sự hài hòa.

Hạn chế lớn nhất của ASEANGAP là mới chỉ đưa ra các tiêu chuẩn cho các sản phẩm rau quả tươi. Nó không bao gồm các sản phẩm còn có độ rủi ro cao trong thực phẩm an toàn như sản phẩm được cắt lát. Đây vẫn là tiêu chuẩn rất mới trong khu vực và quốc tế. ASEANGAP không phải là tiêu chuẩn để chứng nhận cho các sản phẩm hữu cơ hay sản phẩm biến đổi gen.

Thông tin về ASEANGAP

ASEANGAP: www.aphnet.org/gap/ASEANGap.html

4.1.2.3. Chứng nhận SALM của Malaysia

Malaysia đã phát triển một số chương trình đảm bảo chất lượng cho những người sản xuất ban đầu thông qua một loạt hệ thống chứng nhận tự nguyện bao gồm: bộ phận chứng nhận rau quả tươi (SALM), chứng nhận vật nuôi (SALT), chứng nhận sản phẩm cá và thủy sản (SPLAM), và bộ phận chứng nhận sản phẩm hữu cơ (SOM). Việc tiến hành các tiêu chuẩn GAP ở Malaysia đã được bắt đầu bằng việc Bộ Nông nghiệp (DOA) đưa vào sử dụng hệ thống chứng nhận trang trại chính thức của Malaysia (SALM) năm 2002. SALM là một chương trình chứng nhận các trang trại đã tuân thủ thực hành nông nghiệp tốt, hoạt động theo phương thức bền vững

và thân thiện với môi trường và năng suất, chất lượng sản phẩm an toàn cho tiêu dùng.

SALM bao gồm ba hướng chính :

- Thiết kế môi trường của trang trại
- Các phương thức thực hành tại trang trại
- Sự an toàn cho sản phẩm trang trại

Những yêu cầu chủ yếu?

Theo 3 hướng trên, 21 yếu tố sẽ được đánh giá và trong đó 17 loại ghi chép phải được duy trì. Những thông tin thường trực tại các trang trại được chứng nhận SALM bao gồm: việc sử dụng đất, loại đất, nguồn nước và chất lượng của nước tưới, việc làm đất bao gồm cả khử trùng đất, quá trình bón phân, kỹ thuật thu hoạch và vận chuyển sản phẩm trên đồng ruộng, xử lý sau thu hoạch và đóng gói, và xử lý chất thải từ trang trại.

Làm thế nào để được cấp chứng nhận ?

Trước tiên nông dân phải đăng ký với Bộ Nông nghiệp và phải qua một đợt kiểm tra của đội thanh tra Ban thư ký phê duyệt báo cáo của đội thanh tra là cơ sở để kiểm tra trang trại lần thứ hai để chuẩn bị một báo cáo kỹ thuật trình lên đề ủy ban công nhận. Nếu được chấp nhận, trang trại sẽ được cấp chứng nhận GAP và được phép dán lô-gô SALM. Sau đó trang trại phải chịu sự kiểm tra về phương thức thực hành và tiếp theo là phân tích dư lượng của sản phẩm và nguồn nước.

Những cơ hội và thách thức chính

Những trang trại đã được đăng ký sẽ được ưu tiên ở thị trường địa phương bởi vì nó có đủ tiêu chuẩn là nơi ưu tiên cung cấp và tạo ra một sự khác biệt. Tuy vậy không có khoản phí gia tăng nào với các sản phẩm từ trang trại được chứng nhận. Những trang trại được chứng nhận SALM sẽ được phép sử dụng lô-gô “sản phẩm tốt nhất

của Malaysia”, một nhãn hiệu do Chính quyền liên bang về tiếp thị nông sản (FAMA) quản lý. Về xuất khẩu, thông qua một thỏa thuận song phương với Singapore, những lô hàng này sẽ được đối xử ưu đãi.

Tuy nhiên, hệ thống này đều do Cục Nông nghiệp quản lý, thanh tra và chứng nhận cho nên nó còn thiếu tính minh bạch. Hệ thống SALM cũng không nhận được sự công nhận tương đương của các nước khác hay các tiêu chuẩn tư nhân, nhưng đã quy chuẩn với GLOBALGAP bắt đầu từ tháng 9 năm 2007 và nó sẽ làm thay đổi tình thế..

Thông tin về Malaysia –SALM:

- Cục Nông nghiệp Malaysia:

www.doa.gov.my/main.php

Hệ thống SALM, Malaysia:

www.doa.gov.my/main.php?Content=contentdetails&ContentID=12&CurLocation=0&Page=1

4.1.2.4. Q-GAP Thái Lan và chứng nhận ThaiGAP

Nhằm đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và an toàn đối với thị trường trong nước và xuất khẩu, Chính phủ Thái Lan đã có những bước tiến đáng kể trong việc xây dựng, giới thiệu và thực hiện chương trình chứng nhận chất lượng và an toàn thực phẩm “Q”. Hệ thống “Q” được xây dựng để chứng nhận các bước của quá trình sản xuất thực phẩm an toàn bằng việc sử dụng lô gô “Q” cho tất cả nông sản (cây trồng, vật nuôi và thủy sản). Cục Nông nghiệp cấp các loại chứng nhận bao gồm Q GAP, Q xưởng đóng gói, Q cửa hàng. Một hệ thống quản lý chất lượng: Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) cho sản xuất tại trang trại đã được xây dựng dựa trên việc cải tiến các tiêu chuẩn quốc tế với 3 mức chứng nhận. Mức 1 là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật an toàn; mức 2 là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật an

toàn và không có dịch hại và mức 3 là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, sạch dịch hại và chất lượng cao hơn.

Những yêu cầu chính là gì ?

Tiêu chuẩn xác định rõ 8 điểm kiểm tra, những yêu cầu đặt ra và cách thức tiến hành. Các điểm kiểm tra này gồm: nguồn nước, địa điểm nuôi trồng, sử dụng các hoá chất nguy hiểm trong nông nghiệp, kho chứa sản phẩm và vận chuyển trên đồng ruộng, ghi chép số liệu, sản xuất sản phẩm sạch sâu bệnh, quản lý chất lượng nông sản trong sản xuất, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch. Từ điểm 1 – 5 là chứng nhận mức 1; từ 1 – 6 là chứng nhận mức 2 và cả 8 điểm là chứng nhận mức 3.

Làm thế nào để được chứng nhận ?

Hệ thống chứng nhận là tự nguyện và do chính phủ quản lý. Văn phòng Quốc gia về Nông sản và Tiêu chuẩn Thực phẩm (ACFS) là cơ quan chính thức công nhận và Cục Nông nghiệp là cơ quan thực thi chức năng và cấp chứng nhận. Nông dân nộp đơn và các tài liệu có liên quan cho văn phòng địa phương của Cơ quan Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp (OARD), cơ quan này tiến hành kiểm tra. Nông dân sẽ được thông báo về kết quả kiểm tra và có một vài ngày để biết kết quả cụ thể các hoạt động điều chỉnh sẽ được tiến hành. Bản kiểm tra GAP sau đó được gửi đến ban lãnh đạo của Cơ quan Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp ở địa phương xem xét trình bày với tiểu ban cấp chứng nhận GAP. Tiểu ban này biên soạn và trình lên ủy ban quản lý an toàn thực phẩm để sau đó ủy ban này cấp chứng nhận.

Những cơ hội và thách thức chính

Hiện tại, chứng nhận Q GAP không tính đến bất kỳ khoản phí nào. Hệ thống được thanh tra và chứng nhận bởi Cục Nông nghiệp.

Hệ thống này và giấy chứng nhận của nó chưa được quy chuẩn hóa quốc tế. Để xây dựng được tiêu chuẩn đạt chuẩn hóa quốc tế, Phòng Thương Mại hợp tác với Chính phủ Thái Lan bắt đầu phát triển ThaiGAP. Tại thời điểm xuất bản cuốn sách hướng dẫn này, sự cộng tác giữa các bên liên quan của Thái Lan và GLOBALGAP mới chỉ bắt đầu cho việc xây dựng ThaiGAP. Theo kế hoạch đã định là ThaiGAP có thể đạt được quy chuẩn với GLOBALGAP vào cuối năm 2008.

Thông tin về Q – GAP và ThaiGAP của Thái Lan

Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã của Thái Lan:

www.acfs.go.th

www.doa.go.th/en/

Hướng dẫn kiểm tra để cấp chứng nhận:

[www.aphnet.org/workshop/SPS%20matters/Thailand/
thai%20gap.pdf](http://www.aphnet.org/workshop/SPS%20matters/Thailand/thai%20gap.pdf)

Phòng Thương mại Thái Lan, Băng Cốc

www.thaiechamber.com

Tel: + 66 2622 1860

4.1.2.5. Nhật Bản – chứng nhận JGAP

Sáng kiến nông nghiệp tốt của Nhật Bản (JGAI) do một nhóm các nhà sản xuất của thành lập vào tháng 4 năm 2005, để thiết lập một hệ thống đảm bảo an toàn cho các sản phẩm nông sản bằng việc thiết lập một tiêu chuẩn chung về thực hành nông nghiệp tốt tại Nhật Bản – JGAP. Bộ Nông nghiệp Nhật Bản thông báo đến tháng 6-2006, JGAP đã trở thành tiêu chuẩn quốc gia, điều này có nghĩa là nhiều nhà bán lẻ tư nhân và hệ thống GAP của Bộ Nông nghiệp sẽ cùng chung một tiêu chuẩn. Nó quyết định việc quy chuẩn JGAP

với GLOBALGAP nhằm tăng cường sự công nhận của các nhà bán lẻ trong nước và quốc tế. Việc quy chuẩn với GLOBALGAP đã hoàn thành vào tháng 8 năm 2007.

Những yêu cầu chủ yếu là gì ?

Hệ thống JGAP được chia ra làm bốn phần:

- An toàn thực phẩm, bao gồm điểm kiểm soát về phân bón, hạt giống, mua bán sản phẩm.
- Xem xét về môi trường bao gồm: nước, đất, năng lượng và địa điểm liền kề.
- Phúc lợi và an toàn của người lao động bao gồm mức lương tối thiểu và đào tạo.
- Hệ thống quản lý bán hàng bao gồm sự lưu trữ sổ sách và truy xuất nguồn gốc.

Làm thế nào để được chứng nhận?

JGAP do một ủy ban điều hành quản lý, ủy ban có quyền cao nhất trong định hướng chính sách của JGAP. ủy ban điều hành có một Ban kỹ thuật để xây dựng các tiêu chuẩn và các quy định chung và một Hội đồng với đại diện rộng rãi của các bên liên quan là các nhà cung cấp và bán lẻ. Việc cấp giấy chứng nhận do bên tư nhân thứ ba có đủ tư cách và tiêu chuẩn tiến hành.

Những cơ hội và thách thức chính

JGAP mang đến cơ hội cho nông dân Nhật Bản bởi nó phản ánh đặc điểm riêng biệt của nền nông nghiệp Nhật Bản, về quy mô của trang trại, các vấn đề pháp lý và môi trường, thể chế và ngôn ngữ. Những thách thức đối với JGAP là việc thực hiện GAP trong số nông dân sản xuất nhỏ với chi phí thấp, tổ chức nông dân và hài hòa tất cả hệ thống GAP riêng rẽ của các nhà bán lẻ.

JGAP đã được quy chuẩn với GLOBALGAP với một danh mục kiểm tra chấp thuận (AMCL) trong việc quy chuẩn, mà chỉ ở đó các

điểm kiểm tra giới hạn được quy chuẩn. Lô gô JGAP tồn tại nhưng chỉ được sử dụng trong hoạt động giữa các nhà kinh doanh và không tại điểm cuối trong bán hàng.

Thông tin về JGAP ở Nhật Bản

JGAP: www.jgai.jp/

4.1.2.6. Thực phẩm xanh của Trung Quốc và chứng nhận ChinaGAP

Chính phủ Trung Quốc đã thiết lập hệ thống chứng nhận nhà nước về nông sản và thực phẩm trong chuỗi sản xuất và đã xây dựng 2 chương trình GAP để đưa vào chứng nhận trong trang trại. Hai chương trình GAP này nhằm mục đích kích lệ sản xuất nông nghiệp, giảm bớt rủi ro liên quan đến an toàn thực phẩm, điều phối các thành phần khác nhau trong chuỗi cung cấp nông sản và kích lệ sự phát triển của các tiêu chuẩn quốc tế về thực hành nông nghiệp tốt và các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt quốc tế và hoạt động chứng nhận có liên quan. Bộ Nông nghiệp đã xây dựng tiêu chuẩn thực phẩm xanh để xây dựng thực hành nông nghiệp tốt cho thị trường nội địa Trung Quốc, trong khi đó Chính phủ Trung Quốc và GLOBALGAP đã kết hợp để xây dựng ChinaGAP nhằm cung cấp cho thị trường quốc tế. Một bản ghi nhớ đã được ký với GLOBALGAP vào tháng 4 năm 2006 để đề xướng thủ tục quy chuẩn chính thức.

Những yêu cầu chủ yếu là gì?

Chứng nhận ChinaGAP có 2 mức tiếp cận. Giấy chứng nhận hạng hai chỉ cần nông dân tuân theo một số điều bắt buộc chủ yếu trên cơ sở của GLOBALGAP, trong khi đó giấy chứng nhận hạng nhất yêu cầu phải tuân thủ toàn bộ những quy định bắt buộc chủ yếu và thứ yếu. Chứng nhận ChinaGAP hạng nhất dự định sẽ tương đương với chứng nhận của GLOBALGAP.

Làm thế nào để được cấp chứng nhận ?

Các quy định của Trung Quốc về chứng nhận và công nhận được ban hành tháng 11 năm 2003, Hội đồng nhà nước đã ủy quyền cho Cơ quan Quản lý Cấp chứng nhận và Công nhận (CNCA) để quản lý, thực thi và ủy quyền trong việc chứng nhận và đào tạo thanh tra viên, cơ quan xét nghiệm và kiểm toán. CNCA đã ban hành các nguyên lý, quy tắc và tài liệu tập huấn về ChinaGAP và bắt đầu thí điểm hoạt động chứng nhận và công nhận ở 18 tỉnh của Trung Quốc tính đến giữa năm 2007.

Những cơ hội và thách thức chính

ChinaGAP là một cơ hội cho nông dân Trung Quốc nâng cao chất lượng và an toàn trong sản xuất nông nghiệp của họ. Do yêu cầu đối với chứng nhận hạng nhất là rất cao và chỉ một số ít nông dân Trung Quốc có thể đạt được chứng nhận này. Vào thời điểm xuất bản cuốn sách hướng dẫn này có 217 doanh nghiệp đang hoạt động theo tiêu chuẩn ChinaGAP và 116 doanh nghiệp đã được cấp chứng nhận. Quy chuẩn với GLOBALGAP cũng sẽ có hiệu lực trong thời gian sắp tới.



Một vườn cà phê cũng có thể yêu cầu chứng nhận môi trường, xã hội và thực phẩm an toàn

Thông tin về thực phẩm xanh và ChinaGAP:

Trung tâm Phát triển Thực phẩm Xanh, Bộ Nông nghiệp:
www.greenfood.org.cn
 Cơ quan Quản lý cấp chứng nhận và công nhận (CNCA):
www.cnca.gov.cn

4.1.2.7. Ấn Độ - IndiaGAP

Tính đến thời gian xuất bản cuốn sách này Cơ quan Phát triển nông sản và thực phẩm xuất khẩu của Ấn Độ đã khởi xướng xây dựng tiêu chuẩn IndiaGAP. Một trong những mục tiêu của tiêu chuẩn này là đạt được công nhận quy chuẩn với GLOBALGAP để mở ra thị trường Châu Âu cho các nhà sản xuất nông sản Ấn Độ.

Thông tin về IndiaGAP:

Cơ quan Phát triển Nông sản và Thực phẩm xuất khẩu,
New Delhi
Email: headq@apeda.com Tel. +91 11 2651 3204

4.2. Chứng nhận thực hành chế biến tốt

4.2.1. Chứng nhận Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế (IFS)

Năm 2002 các nhà bán lẻ Đức đã xây dựng một tiêu chuẩn chung gọi là Tiêu chuẩn Thực phẩm quốc tế (IFS) cho các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm. Năm 2003 các nhà bán lẻ (và cả bán buôn) thực phẩm của Pháp đã tham gia nhóm hành động IFS và đã đóng góp cho việc xây dựng những văn bản quy phạm hiện hành. Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế đã được thiết kế như một công cụ đồng nhất nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và kiểm soát chất lượng của nhà sản xuất thực phẩm có thương hiệu bán lẻ. Tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho tất cả các công đoạn và chế biến thực phẩm tiếp theo sau quá trình trồng trọt.

Những yêu cầu chủ yếu là gì?

Chương trình Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS) cho phép 2 mức chứng nhận:

- Mức “cơ sở” được coi là yêu cầu tối thiểu đối với công nghiệp thực phẩm quốc tế.
- Mức “cao hơn” được coi như một tiêu chuẩn cao cấp đối với công nghiệp thực phẩm quốc tế.

“đặc điểm của mức cơ sở” bao gồm 230 mục, trong khi đó “đặc điểm mức cao cấp” gồm thêm 60 hạng mục nữa. Hơn nữa, 46 khuyến nghị được đưa vào hệ thống để cho các công ty muốn thể hiện khả năng “thực hành tốt nhất” trong lĩnh vực đó. Mỗi đặc điểm của tiêu chuẩn, một số điểm cụ thể được quy định tùy theo độ tuân thủ và mức độ của từng đặc điểm. Giấy chứng nhận (ở mức cơ sở hay cao cấp) được cấp phụ thuộc vào số điểm đạt được.

Làm thế nào để được chứng nhận?

Chứng nhận IFS là địa điểm riêng nghĩa là phạm vi kiểm tra bị hạn chế do địa điểm nơi mà việc kiểm tra được tiến hành, nhưng tất cả các loại sản phẩm sản xuất tại địa điểm này đều phải được xem xét. Thời gian đánh giá lại là mỗi năm một lần. Đối với “mức cao cấp” chứng nhận đã xác định 2 lần, và không liên quan đến sản phẩm mùa vụ, thời gian đánh giá lại sẽ được giảm xuống là 18 tháng. Chi phí cho chứng nhận rất khác nhau do từng cơ quan cấp, nhưng bình quân khoảng 2000 đô la Mỹ cho 1,5 ngày thanh tra trên đồng ruộng.

Những cơ hội và thách thức

Hầu hết các nhà bán lẻ ở Đức, Pháp và một số nước Châu Âu khác đều yêu cầu chứng nhận IFS. Hiện nay, các nhà bán lẻ yêu cầu chứng nhận IFS chỉ với các nhà cung cấp các sản phẩm thực phẩm tự nhiên.

Số lượng các nhà cung cấp được chứng nhận IFS ở Châu á vẫn còn rất ít nhưng từ khi việc sử dụng tiêu chuẩn Châu Âu tăng lên và số lượng các cơ quan cấp chứng nhận công nhận IFS ở Châu á tăng lên, nó đã tạo ra những cơ hội lớn cho các nhà xuất khẩu ở đây tăng cường sức cạnh tranh của họ ở thị trường Châu Âu bằng các chứng nhận của hệ thống chứng nhận IFS.

Thông tin về IFS:

IFS: www.food-care.info

Email: info@food-care.info

Điện thoại: +49 (0) 30 726 250 74

4.2.2. Quy tắc an toàn chất lượng thực phẩm (SQF)

Quy tắc an toàn chất lượng thực phẩm được Cục Nông nghiệp bang Western của Úc xây dựng vào năm 1996. Năm 2003 quyền sở hữu trên toàn cầu của các tiêu chuẩn này được chuyển giao cho Viện Tiếp thị Thực phẩm (FMI) của Hoa Kỳ và hiện nay quy tắc SQF đang được Viện SQF trực thuộc FMI quản lý.

Những yêu cầu chủ yếu là gì?

Chương trình SQF là quy trình quản tổng hợp tự nguyện về chất lượng và an toàn thực phẩm, quy trình được thiết kế cho ngành công nghiệp thực phẩm áp dụng đối với tất cả các khâu nổi trong chuỗi cung cấp thực phẩm. Quy tắc dựa trên Hướng dẫn HACCP của Codex. Hai chương trình chứng nhận đã được thiết lập dành cho hai nhà cung cấp thực phẩm khác nhau:

- SQF 1000: dành cho những nhà sản xuất ban đầu và những vấn đề liên quan (sản xuất trước công trang trại, thu hoạch và những chuẩn bị cho sản phẩm ban đầu).

- SQF 2000: dành cho công nghiệp thực phẩm và những vấn đề liên quan (thành phần và nguyên liệu thô, thực phẩm được chế biến, thức uống và dịch vụ).

Mỗi chương trình cho phép 3 mức độ chứng nhận:

- Mức 1 (An toàn thực phẩm cơ bản): chứng nhận này đảm bảo rằng công ty thực hiện các chương trình tiên quyết (Thực hành chế biến hoặc nông nghiệp tốt), và những kiểm soát an toàn thực phẩm cơ bản.

- Mức 2 (kế hoạch an toàn thực phẩm áp dụng HACCP): chứng nhận này đảm bảo rằng công ty đã thực hiện chương trình tiên quyết và kế hoạch an toàn thực phẩm theo phương pháp HACCP.

- Mức 3 (phát triển hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm toàn diện): chứng nhận này đảm bảo rằng công ty đã thực hiện chương trình tiên quyết và kế hoạch an toàn thực phẩm dựa trên cơ sở nguyên lý HACCP và ngăn ngừa sự cố làm giảm chất lượng.

Để thực hiện mức 2, nhà sản xuất phải tuân thủ mức 1 cộng với những yêu cầu bổ sung. Cũng tương tự như vậy, để thực hiện mức 3, nhà sản xuất phải tuân thủ theo đúng mức 2 cộng với những yêu cầu bổ sung. ở mỗi một mức tuân thủ đúng những điều khoản là nghĩa vụ không có bất kỳ ngoại lệ nào.

Làm thế nào để được chứng nhận?

Chỉ những thanh tra viên SQF làm việc cho các cơ quan chứng nhận đã được cấp phép và chỉ định mới có thể chứng nhận quy tắc SQF. Một khi mức 1 đã đạt được, nhà cung cấp sẽ được đưa lên vị trí đăng ký SQF đã có sẵn trên trang web SQF.

Những cơ hội và thách thức chính

Chứng nhận SQF mang lại rất nhiều lợi ích và giá trị cho các nhà cung cấp. Bằng việc tuân thủ một tiêu chuẩn tự nguyện được quốc tế công nhận, SQF đã làm giảm được nhu cầu thanh tra nhiều lần cho nhiều tiêu chuẩn khác nhau, cho phép nhà cung cấp chuyển các nguồn lực từ việc tuân thủ thanh tra nhiều lần đối với một loạt hệ thống chứng nhận. SQF là một hệ thống giữa các nhà kinh doanh, chủ yếu được xây dựng cho các nhà sản xuất ban đầu bán cho các nhà chế biến thực phẩm, do đó không có nhãn sản phẩm.

Thông tin thêm về SQF

Viện An toàn chất lượng thực phẩm: www.sqfi.com

Điện thoại: +1 202 220 0635

Đơn vị cấp chứng nhận SQF khu vực Châu á Thái Bình Dương:

Công ty Dịch vụ chứng nhận toàn cầu Silliker

www.silliker.com/australia/home/php

Điện thoại: +61 (0)3 8878 3204 Fax: +61 (0)3 8878 3210

4.2.3. Tiêu chuẩn của Hiệp hội Bán lẻ Anh Quốc (BRC)

Tiêu chuẩn của Hiệp hội Bán lẻ Anh quốc là tiêu chuẩn chứng nhận tự nguyện tư nhân do Hiệp hội Bán lẻ Anh quốc (BRC) xây dựng. Tiêu chuẩn được lập ra nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và giúp cho những nhà bán lẻ ở Anh tuân thủ luật An toàn thực phẩm của Vương quốc Anh. Do đó, tiêu chuẩn BRC được xem như là một công cụ giúp cho các nhà bán lẻ có cơ sở để kiểm định sản phẩm từ các nhà cung cấp sản phẩm cho họ. Việc sử dụng những tiêu chuẩn này yêu cầu chấp nhận và thực thi các nguyên tắc HACCP, thiết lập một hệ thống quản lý chất lượng hiệu quả và dẫn chứng bằng tài liệu cũng như việc kiểm soát môi trường làm việc, sản phẩm, quá trình chế biến và con người. Nó có thể được áp dụng cho bất kỳ một doanh nghiệp cung cấp thực phẩm nào.

Việc áp dụng tiêu chuẩn BRC yêu cầu phải do bên thứ ba chứng nhận. Những sản phẩm đã chứng nhận được phân biệt trên thị trường bởi chúng mang lôgô BRC.

Thông tin thêm về BRC

Tiêu chuẩn BRC: www.brc.org.uk/standards

4.2.4. ISO 22000

Tiêu chuẩn ISO 22000 được xây dựng để thuận tiện cho việc thiết lập hệ thống quản lý an toàn thực phẩm. Nó liên kết với các nguyên lý HACCP cũng như các biện pháp truy xuất. ISO 22000 đã được soạn thảo bởi Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) cùng với Liên minh Công nghiệp Thực phẩm và Đồ uống của Cộng đồng Châu Âu (CIAA), Hiệp hội các Nhà hàng và Khách sạn Quốc tế (IH&RA), Sáng kiến An toàn thực phẩm toàn cầu (GFSI) và Tổ chức An toàn thực phẩm thế giới (WFSO). Với lý do đó, ISO 22000 hài hòa các yêu cầu của hệ thống quản lý an toàn thực phẩm quốc

gia trên khắp thế giới trên nền tảng phi chính phủ và tự nguyện. Bất kỳ bên liên quan nào trong chuỗi thực phẩm (nhà trồng trọt, nhà chăn nuôi, nhà sản xuất thực phẩm, nhà chế biến, nhà bán buôn, nhà bán lẻ) đều có thể áp dụng tiêu chuẩn này. ISO 22000 có thể được sử dụng độc lập hoặc kết hợp với hệ thống quản lý các tiêu chuẩn khác. Lô-gô của ISO này không được sử dụng trên sản phẩm.

Thông tin thêm về tiêu chuẩn ISO 22000

Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế: www.iso.org

4.2.5. Các cơ quan chứng nhận và tổ chức hỗ trợ cho GAP và GMP ở Châu Á

www.fao.org/es/esc/en/15/262/highlight_270.html

5. CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG **THỰC PHẨM ĐẶC TRUNG**

Gần đây, một số các chương trình chứng nhận tự nguyện tư nhân đã hình thành chú trọng vào các đặc tính riêng biệt của thực phẩm mà không trực tiếp liên quan đến thuộc tính hoá học, lý học hay sinh học của chúng. Thay vào đó, các chương trình này tập trung vào đặc điểm địa lý hoặc văn hóa. Phần này sẽ giới thiệu 2 hệ thống đó: Các chỉ dẫn địa lý và Halal.

5.1. Các chỉ dẫn địa lý (GI)

Một chỉ dẫn địa lý (GI) là một tiêu chuẩn tư nhân tự nguyện đã được nhóm các nhà sản xuất hoặc chính quyền địa phương đăng ký thông qua cơ quan quản lý quốc gia về sở hữu trí tuệ. Chỉ dẫn địa lý là một dấu ấn về chất lượng giúp cho việc khuếch trương bí quyết, truyền thống, đa dạng của chất lượng đối với những sản phẩm thô và chế biến. Chỉ dẫn địa lý phân biệt các sản phẩm có đặc tính chất lượng riêng biệt nổi bật mà thực chất là thuộc tính nguồn gốc xuất xứ của nó, vì sản phẩm được sản xuất từ một vùng địa lý xác định. Thông thường những đặc tính này đã được người tiêu dùng địa phương, quốc gia hay thậm chí quốc tế công nhận từ trước. Chỉ dẫn địa lý bảo vệ hợp pháp cho tên sản phẩm gắn liền với các yếu tố địa lý và ngăn cản việc sử dụng bất hợp pháp những chỉ dẫn địa lý ghi trên nhãn của các sản phẩm từ những vùng khác. Do vậy nó được xem như một biện pháp quảng bá thích hợp cho thương mại khu vực và quốc tế của những sản phẩm mang đặc tính địa phương.

Những ví dụ về chỉ dẫn địa lý đang hiện diện tại ASEAN như: Thanh long - Bình Thuận, nước mắm Phú Quốc của Việt Nam; Cà phê Doi-Tung của Thái lan; Trà Long-đình của Trung quốc. Rất nhiều nước Châu á đã có những nông sản và thực phẩm được hưởng lợi từ việc bảo hộ và quảng bá của chứng nhận đặc trưng địa lý, ví dụ như Trà Dac-gi-ling ở ấn độ, Cà phê Ba-li của Indonesia.

Để đăng ký một chỉ dẫn địa lý (GI) mới, người sản xuất phải nộp đơn cho cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ của nước họ. Nội dung đơn phải nói rõ tên của sản phẩm liên quan đến các yếu tố địa lý,

tên gọi đó nhất thiết phải đã được dùng phổ biến hiện tại hoặc liên quan đến lịch sử. Người sản xuất cũng phải chứng minh quan hệ nhân quả giữa đặc tính của sản phẩm và đặc điểm địa lý của địa phương hoặc những kiến thức truyền thống của vùng sản xuất. Trên cơ sở đó, họ xác định rõ nguyên lý của các quá trình thực hành sản xuất và chế biến mà họ phải cam kết tuân thủ theo. Điều này có ý nghĩa để mô tả đặc trưng độc nhất của sản phẩm mà nó cho phép những người sản xuất địa phương kết hợp sản phẩm của họ với tên gọi địa lý. Cuối cùng, một cơ quan (bên thứ ba) thay mặt chính phủ phải kiểm tra, chứng nhận chất lượng của quá trình sản xuất và chế biến, đó là nơi bảo đảm cuối cùng của chất lượng sản phẩm. Khi đã được đăng ký, các nhà sản xuất và chế biến đóng trên vùng địa lý đó và ai đáp ứng được các nguyên lý thực hành thì có thể sử dụng nhãn đặc trưng địa lý đã được người khởi đầu tạo nên và được chính phủ bảo hộ.

Thông tin về đặc trưng địa lý ở khu vực Châu á:

www.ecap-project.org/activitiesevents/at_regional_level/eu_asean_seminar_on_the_protection_and_promotion_of_geographical_indications_gis.html

Thông tin chứng nhận đặc trưng địa lý ở Châu Âu:

www.ec.europa.eu/agriculture/foodqual/quali1_en.htm

Các tổ chức trợ giúp quốc gia và cơ quan chứng nhận ở Châu á:

www.fao.org/es/esc/en/15/262/highlight_270.html

5.2. Chứng nhận Halal

Halal trong tiếng A-rập có nghĩa là được phép. Nó chỉ dẫn những đồ vật hoặc hành động được Đạo Hồi cho phép. Khi liên hệ đến thực phẩm, nó thường được dùng để diễn tả các thứ mà Hồi giáo cho phép ăn, uống hoặc sử dụng. Ngược lại với Halal là Haram, tiếng A-rập có nghĩa là không được phép, thiêng liêng hoặc cấm kỵ. Đối với người sản xuất và thương mại, điều này đưa đến một sự đảm bảo rằng tất cả những yếu tố đầu vào, dụng cụ, máy móc, và lao động sử dụng trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, phân phối trong chuỗi cung cấp sản phẩm phải tránh bất cứ thứ gì được coi là cấm kỵ. Quy trình này bao trùm cả thực phẩm cũng như các sản phẩm không phải là thực phẩm như thuốc chữa bệnh và mỹ phẩm. Chứng nhận Halal đang trở nên ngày càng quan trọng đối với thị trường nông sản Châu á bởi vì giá trị thương mại thực phẩm của thế giới Halal ước tính khoảng 150 tỷ đô la Mỹ. Đối với rất nhiều người Hồi giáo việc ra nước ngoài hoặc sống trong nước phụ thuộc vào thực phẩm nhập khẩu, lô-gô Halal đã trở nên một dấu hiệu tin tưởng về chất lượng trong việc mua thực phẩm được chứng nhận là được phép theo luật của Đạo Hồi. Dấu hiệu thị trường đã chứng tỏ rằng việc bán hàng tăng lên ở các đại lý phân phối và các tiệm ăn mà ở đó được chứng nhận Halal. Như vậy lô-gô Halal có thể được các bên liên quan trong chuỗi cung ứng thực phẩm sử dụng như một phương tiện tiếp thị đến những người tiêu dùng Hồi giáo.

Các yêu cầu về Halal rất khác nhau tùy theo từng nước, tuy nhiên chứng nhận Halal của Malaysia đang trở thành quy chuẩn quốc tế cho hàng hóa của Đạo hồi. “Chứng nhận Halal” được trung tâm Hồi giáo công nhận thúc đẩy việc thanh kiểm tra, cấp chứng nhận và hướng dẫn của thanh tra viên. Phí chứng nhận được thỏa thuận với hội đồng chứng nhận, thường là một trung tâm đã được phê chuẩn của Đạo hồi, trung tâm đó có lô-gô đã được đăng ký cho nhãn mác sản phẩm. Quá trình chứng nhận xác nhận rằng hàng nông sản là Halal, phù hợp với người tiêu dùng là tín đồ Hồi Giáo, có

nguồn gốc từ cơ sở sản xuất và chế biến đã được chứng nhận. Sự thiếu hợp tác giữa các cơ quan “Chứng nhận Halal” trên thế giới và những vấn đề liên quan đến việc thi hành đang là thách thức mà các bên tham gia phải đối mặt.

Thông tin thêm về những yêu cầu chứng nhận Halal

[www.gov.my/MYGOV/BI/Directory/Business/BusinessBy
Industry/AgricultureandAgroBasedIndustry/HalalCertification/](http://www.gov.my/MYGOV/BI/Directory/Business/BusinessByIndustry/AgricultureandAgroBasedIndustry/HalalCertification/)

6. CHỨNG NHẬN CỦA HÀNG THỦY SẢN Ở CHÂU Á

Các sản phẩm cá từ việc đánh bắt và nuôi trồng là mặt hàng được buôn bán trên khắp thế giới. Khoảng 38% sản lượng cá trên thế giới tham gia xuất khẩu trên thị trường quốc tế. Ước tính có gần một nửa các sản phẩm cá hiện nay được sản xuất từ nghề nuôi trồng thủy sản và ngày càng trở nên quan trọng trong thương mại các sản phẩm từ cá. Khu vực Châu á – Thái Bình Dương sản xuất trên 80% sản lượng thủy sản và vì vậy cũng là một vùng trọng điểm trong việc kinh doanh các loại sản phẩm này.

Ngành nuôi trồng thủy sản có nhiều điểm chung với ngành trồng trọt và chăn nuôi (nhưng khác với đánh bắt hải sản) và chính vì vậy nuôi trồng thủy sản phải đối mặt với nhiều thách thức giống như với các sản phẩm nông nghiệp khác về việc kiểm soát chất lượng và thâm nhập các thị trường xuất khẩu. Những yêu cầu ngày một nghiêm ngặt từ các nhà bán lẻ và người tiêu dùng liên quan đến an toàn của thủy sản có thể phát sinh từ thực tiễn sản xuất đang thúc đẩy ngành này phải chú ý tới cơ chế đảm bảo cho người tiêu dùng và khách hàng. Những vấn đề về môi trường và xã hội ở một số hệ thống sản xuất thủy sản, không liên quan đến an toàn thực phẩm, cũng đã tạo mối quan tâm của cộng đồng dẫn tới việc một số người mua yêu cầu đảm bảo chắc chắn hơn về trách nhiệm sản xuất. Điều này dẫn tới sự gia tăng nhanh chóng về yêu cầu chứng nhận đối với một số hàng thủy sản gần đây, một xu hướng được coi là chắc chắn tăng lên. Với hầu hết các nước châu á đang tỏ ra chú ý hơn về an toàn thực phẩm, đang có sự gia tăng nhanh chóng các hệ thống chứng nhận sản phẩm, hướng dẫn “thực hành nuôi trồng thủy sản tốt”, quy tắc quản lý, và các cơ chế hay hệ thống khác dự định cung cấp cơ sở cho việc sản xuất hải sản an toàn và bền vững. Sự gia tăng nhanh chóng này có thể phản tác dụng bởi có thể khiến người mua hoặc người tiêu dùng lẫn lộn và công chúng hiểu nhầm về những gì thực sự đang được đảm bảo bởi các hệ thống chứng nhận khác nhau. Việc thiếu sự hài hòa hoặc quy chuẩn giữa các tiêu chuẩn và các hệ thống cũng ngăn cản sự so sánh thích hợp giữa các hệ thống khác nhau, điều đó phát sinh những vấn đề thiếu hụt trong công nhận đối

với các sản phẩm được chứng nhận.

Chứng nhận của hàng thủy sản vẫn đang ở trong giai đoạn tương đối sớm. Tại thời điểm phát hành cuốn sách này, đáp ứng yêu cầu của ủy ban Nghề cá: Tiểu ban Nuôi trồng thủy sản (COFI/AQ), FAO và Mạng lưới các trung tâm nuôi trồng thủy sản ở Châu á – Thái Bình Dương (NACA) đã đề xuất quy trình xây dựng các hướng dẫn về chứng nhận nuôi trồng thủy sản giúp cho các hệ thống chứng nhận minh chứng một mức độ chấp nhận được và đảm bảo rằng chứng nhận nuôi trồng thủy sản được tiến hành là đáng tin cậy. Những hướng dẫn này cũng đảm bảo rằng tất cả các nhà sản xuất thủy sản của các nước phát triển và đang phát triển, hoạt động ở quy mô lớn và nhỏ đều có thể hưởng lợi như nhau từ những cơ hội có được bởi việc chứng nhận nuôi trồng thủy sản và không gây những bất lợi không chính đáng tới các nhà sản xuất quy mô nhỏ.

Thông tin thêm về các hướng dẫn này

Đề nghị liên hệ với Thư ký kỹ thuật của Tiểu ban nuôi trồng thủy sản của FAO (COFI/AQ) hoặc xem trang Web:
www.fao.org/fi/website/FIRetrieveAction.do?dom=org&xml=FI_org.xml&xp_nav=3.2

GHI CHÚ

Đối với nhiều nhà sản xuất, thị trường cho hàng nông sản được cấp giấy chứng nhận rất phức tạp, các lợi thế và yêu cầu liên quan tới nhiều chương trình chứng nhận không phải lúc nào cũng rõ ràng. Hơn nữa, các nhà sản xuất thường không hay biết sự khác nhau giữa các tiêu chuẩn bắt buộc hay tự nguyện áp dụng cho các sản phẩm xuất khẩu. Vì vậy, cuốn sách này được biên tập nhằm làm rõ hơn về chứng nhận tự nguyện.

Sau khi xem nội dung cuốn sách, người đọc sẽ hiểu hơn về các hệ thống chính chứng nhận tự nhân tự nguyện, tầm quan trọng của các hệ thống này, sự khác nhau giữa các chương trình cũng như các lợi thế và hạn chế của chúng. Cuốn sách này cung cấp thông tin chủ yếu là về những quy định nhập khẩu chính ở Mỹ, Cộng đồng châu Âu, Nhật Bản và các quốc gia khác trong khu vực châu Á Thái Bình Dương.

Liên hệ : Văn phòng Đại diện FAO tại Việt Nam
Số 3 phố Nguyễn Gia Thiều
Hà nội
Việt Nam
Điện thoại : (84) 4 9424208
Fax: (84) 4 9423257
Email : FAO-VN@fao.org